



ISO 9001 : 2008

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ
PHẨM CHẤT CỦA GIẢNG VIÊN
DẠY TIẾNG ANH
Ở BẬC CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC

Chủ nhiệm đề tài : ThS. BÙI THỊ MỸ CHI
Chức vụ : Giảng viên
Đơn vị : Khoa Ngoại Ngữ

Trà Vinh, ngày 10 tháng 6 năm 2014



ISO 9001 : 2008

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ
PHẨM CHẤT CỦA GIÁNG VIÊN
DẠY TIẾNG ANH
Ở BẬC CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Chủ nhiệm đề tài

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Mỹ Chi

Trà Vinh, ngày 10 tháng 6 năm 2014

LỜI CẢM ƠN

Đề tài này là kết quả của sự hỗ trợ nhiệt tình của nhiều người.

Trước hết, tôi muốn cảm ơn Tiến sĩ Nguyễn Thu Hương và Tiến sĩ Nguyễn Thị Phương Nam đã gợi cho tôi ý tưởng để làm nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn Ban Giám Hiệu Trường Đại học Trà Vinh, Phòng Khoa học Công nghệ và Đào tạo Sau đại học và Phòng Kế hoạch – Tài Vụ thuộc Trường Đại học Trà Vinh đã tạo điều kiện cho tôi thực hiện đề tài.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Ngọc Hương, cô Phạm Thị Thúy Duy, cô Nguyễn Thị Tuyết Nhung, cô Ngô Thị Lộc, cô Nguyễn Hiếu Thảo, thầy Huỳnh Ngọc Tài đã nhiệt tình đóng góp ý kiến và hỗ trợ tôi hoàn thành đề tài này.

Tôi muốn nói lời cảm ơn đến tất cả các bạn đồng nghiệp cũng như tất cả các bạn sinh viên thuộc Trường Đại học Trà Vinh đã cung cấp thông tin cho đề tài nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi thành thật cảm ơn gia đình đã khuyến khích và ủng hộ tôi thực hiện và hoàn tất đề tài này.

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ hơn 600 sinh viên các khóa 2010, 2011, 2012, và 2013 cùng với khoảng 30 giảng viên dạy tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh qua khảo sát và phỏng vấn. Các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach, kiểm định Mann-Whitney được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu là có được một bộ tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học gồm 60 tiêu chuẩn thuộc 4 thành phần: Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng nghề nghiệp, Ứng xử trong quan hệ, và phẩm chất cá nhân. Đồng thời rút ra được các phẩm chất mà giảng viên dạy tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh cần phát huy hay trau dồi thêm.

MỤC LỤC

	Page
Lời cảm ơn	i
Tóm tắt	ii
Mục lục	iii
Danh mục bảng	vii
Danh mục biểu đồ	ix
Bảng các từ viết tắt.....	x
PHẦN MỞ ĐẦU	1
Tính cấp thiết của đề tài	1
Giới hạn đề tài	3
Nội dung nghiên cứu.....	3
Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng	3
PHẦN NỘI DUNG	5
Chương 1: NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN CÁC KHÁI NIỆM	5
1.1. Các khái niệm tiêu chuẩn, đánh giá và phẩm chất	5
1.1.1. Tiêu chuẩn	5
1.1.2. Đánh giá	6
1.1.3. Phẩm chất	6
1.2. Các quan niệm về giáo viên giỏi	6
1.3. Các quan niệm về giáo viên dạy tiếng Anh giỏi	8
1.4. Sơ lược các nghiên cứu có liên quan ở phạm vi trong và ngoài nước	12
1.4.1. Các nghiên cứu đề xuất phẩm chất hay đặc điểm của giáo viên hay giảng viên dạy tiếng Anh giỏi	12

1.4.2. Các nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt trong quan điểm giữa giảng viên và sinh viên 17

Chương 2: TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN VỀ TIÊU CHUẨN PHẨM CHẤT CỦA GIẢNG VIÊN DẠY

TIẾNG ANH GIỎI Ở BẬC CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC..... 23

2.1. Mục đích nghiên cứu 23

2.2. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu 23

2.2.1. Đối tượng 23

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu 29

2.3. Kết quả nghiên cứu 31

2.3.1. Thống kê mô tả kết quả khảo sát 31

2.3.1.1. Nhân tố Kiến thức..... 32

2.3.1.2. Nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp..... 33

2.3.1.3. Nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội 34

2.3.1.4. Nhân tố Phẩm chất cá nhân..... 35

2.3.2. Thống kê mô tả kết quả phỏng vấn 37

2.3.2.1. Câu hỏi 1 37

2.3.2.2. Câu hỏi 2 39

2.3.2.3. Câu hỏi 3..... 40

2.3.2.4. Câu hỏi 4..... 41

2.3.2.5. Câu hỏi 5..... 42

2.3.2.6. Câu hỏi 6 43

Chương 3: XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ 45

3.1. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá..... 45

3.1.1. Mục đích nghiên cứu 45

3.1.2. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu 45

3.1.3. Kết quả nghiên cứu	45
3.1.3.1. Đánh giá thang đo	45
3.1.3.2. Thực hiện kiểm định Mann-Whitney	46
3.1.3.3. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá	46
3.2. Thực nghiệm để kiểm chứng	55
3.2.1. Mục đích nghiên cứu	55
3.2.2. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu	55
3.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu	55
3.2.2.2. Phương pháp nghiên cứu	59
3.2.3. Kết quả nghiên cứu	61
3.2.3.1. Đánh giá thang đo	61
3.2.3.2. Thống kê mô tả kết quả đánh giá	62
3.2.3.2.1. Nhân tố Kiến thức	63
3.2.3.2.2. Nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp.....	64
3.2.3.2.3. Nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội	66
3.2.3.2.4. Nhân tố Phẩm chất cá nhân	68
3.3. Tổ chức hội thảo	71
3.4. Hoàn thành bộ tiêu chuẩn	73
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	84
Kết quả nghiên cứu của đề tài	84
Kiến nghị	85
Hướng phát triển của đề tài	87
Tài liệu tham khảo	88
Phụ lục	92
Phụ lục A: Bảng câu hỏi dành cho giảng viên	92
Phụ Lục B: Bảng câu hỏi dành cho sinh viên	96
Phụ Lục C: Phiếu phỏng vấn giảng viên	100

Phụ Lục D: Phiếu phỏng vấn sinh viên	101
Phụ Lục E: Kết quả trả lời phỏng vấn của giảng viên	102
Phụ Lục F: Kết quả trả lời phỏng vấn của sinh viên	113
Phụ Lục G: Bảng tự đánh giá của giảng viên	123
Phụ Lục H: Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên – Thực nghiệm)	127
Phụ Lục I: Các ý kiến đóng góp từ hội thảo	131

DANH MỤC BẢNG

	Page
Bảng 2.1. Cấu trúc bảng hỏi và thang đo dành cho giảng viên	29
Bảng 2.2. Cấu trúc bảng hỏi và thang đo dành cho sinh viên	30
Bảng 2.3. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Kiến thức	32
Bảng 2.4. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp	33
Bảng 2.5. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội	34
Bảng 2.6. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Phẩm chất cá nhân	35
Bảng 2.7. Những biến quan sát có trị trung bình thấp	36
Bảng 2.8. Các yếu tố đặc biệt	37
Bảng 2.9. Yếu tố quan trọng nhất	39
Bảng 2.10. Giới tính ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh	40
Bảng 2.11. Dân tộc ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh	41
Bảng 2.12. Độ tuổi ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh	42
Bảng 2.13. Số năm giảng dạy ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh	43
Bảng 3.1. Hệ số Cronbach alpha của các nhân tố	46
Bảng 3.2. Kiểm định Mann-Whitney về Kiến thức	47
Bảng 3.3. Kiểm định Mann-Whitney về Kỹ năng nghề nghiệp	47
Bảng 3.4. Kiểm định Mann-Whitney về Ứng xử trong quan hệ xã hội	48
Bảng 3.5. Kiểm định Mann-Whitney về Phẩm chất cá nhân	49
Bảng 3.6. Bộ tiêu chuẩn đánh giá giảng viên (Dùng để thực nghiệm).....	52
Bảng 3.7. Cấu trúc Bảng tự đánh giá của giảng viên	59
Bảng 3.8. Cấu trúc Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (của sinh viên)	60
Bảng 3.9. Hệ số Cronbach alpha của các thành phần.....	62

Bảng 3.10. Đánh giá giảng viên về nhân tố Kiến thức chuyên môn	63
Bảng 3.11. Đánh giá giảng viên về nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp	64
Bảng 3.12. Đánh giá giảng viên về nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội	66
Bảng 3.13. Đánh giá giảng viên về nhân tố Phẩm chất cá nhân	68
Bảng 3.14. Những tiêu chuẩn có trị trung bình cao	69
Bảng 3.15. Những tiêu chuẩn có trị trung bình thấp	70
Bảng 3.16. Bộ tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học.....	74
Bảng 3.17. Phiếu tự đánh giá của giảng viên tiếng Anh	77
Bảng 3.18. Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên).....	80

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

	Page
Biểu đồ 2.1. Mô tả đối tượng giảng viên theo giới tính	24
Biểu đồ 2.2. Mô tả đối tượng giảng viên theo dân tộc	24
Biểu đồ 2.3. Mô tả đối tượng giảng viên theo tuổi.....	25
Biểu đồ 2.4. Mô tả đối tượng giảng viên theo thời gian dạy	25
Biểu đồ 2.5. Mô tả đối tượng sinh viên theo giới tính	26
Biểu đồ 2.6. Mô tả đối tượng sinh viên theo dân tộc	27
Biểu đồ 2.7. Mô tả đối tượng sinh viên theo tuổi	27
Biểu đồ 2.8. Mô tả đối tượng sinh viên theo lớp	28
Biểu đồ 2.9. Mô tả đối tượng sinh viên theo thời gian học	28
Biểu đồ 3.1. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo giới tính	55
Biểu đồ 3.2. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo dân tộc	56
Biểu đồ 3.3. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo tuổi	56
Biểu đồ 3.4. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo thời gian dạy	57
Biểu đồ 3.5. Mô tả đối tượng sinh viên đánh giá giảng viên theo giới tính	58
Biểu đồ 3.6. Mô tả đối tượng sinh viên đánh giá giảng viên theo lớp	58
Biểu đồ 3.7. Đánh giá giảng viên về nhân tố Kiến thức chuyên môn	64
Biểu đồ 3.8. Đánh giá giảng viên về nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp	65
Biểu đồ 3.9. Đánh giá giảng viên về nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội	67
Biểu đồ 3.10. Đánh giá giảng viên về nhân tố Phẩm chất cá nhân	69

BẢNG CÁC TỪ VIẾT TẮT

BMNN	: Bộ môn Ngoại Ngữ
BT	: Bài tập
CM	: Chuyên môn
CN	: Cá nhân
DL	: Du lịch
DCCTMH	: Đề cương chi tiết môn học
GB	: Giảng bài
GD	: Giảng dạy
GV	: Giảng viên
HT	: Học tập
KK	: Khó khăn
KN	: Kỹ năng
KNNN	: Kỹ năng nghề nghiệp
KT	: Kiến thức
KTGD	: Kiến thức giảng dạy
KTNPTA	: Kiến thức ngữ pháp tiếng Anh
LS	: Lịch sử
M (Mean)	: Trị trung bình
NC	: Nghiên cứu
NN	: Nghề nghiệp
PCCN	: Phẩm chất cá nhân
PP	: Phương pháp
PPGD	: Phương pháp giảng dạy
QH	: Quan hệ
QHXH	: Quan hệ xã hội

QT	: Quan trọng
QT I	: Quan trọng nhất
SD	: Sử dụng
SGK	: Sách giáo khoa
STT	: Số thứ tự
SV	: Sinh viên
TA	: Tiếng Anh
TL	: Tài liệu
TLGD	: Tài liệu giảng dạy
tr	: Trang
TV	: Tiếng Việt
UX	: Ứng xử
VH	: Văn hóa
XH	: Xã hội

PHẦN MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài:

Giáo viên giỏi và có phẩm chất thì rất cần thiết đối với hệ thống giáo dục cũng như việc nâng cao chất lượng dạy và học. Giáo viên cũng có vai trò chủ yếu trong thành quả học tập của người học và phẩm chất của giáo viên cũng ảnh hưởng đến kết quả học tập của họ. Trong phẩm chất của giáo viên, trước hết phải có năng lực chuyên môn, đó là trình độ học vấn của người giáo viên. Yếu tố thứ hai là lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ biểu hiện bằng lòng say mê nghề nghiệp, sự tận tụy với công việc, v.v... Yếu tố thứ ba là lòng yêu người học. Đó là sự yêu thương, ân cần với người học. Phẩm chất của giáo viên còn thể hiện ở năng lực sư phạm ở nhiều khía cạnh khác nhau (Vo, 2012)

Mặc dù các giáo viên dạy hiệu quả nói chung là chia sẻ cùng một số đặc điểm, nhưng tùy vào môn mà họ dạy giáo viên có một số phẩm chất nào đó khác nhau. Một số nhà nghiên cứu tin rằng chính bản chất của môn học làm các giáo viên dạy ngoại ngữ khác với các giáo viên dạy các môn học khác (Hammadou và Bernhar, 1987).

Bất cứ giáo viên dạy ngoại ngữ nào, đặc biệt là giáo viên dạy tiếng Anh, đều muốn trở thành một giáo viên dạy tiếng Anh tốt trong mắt người học và đồng nghiệp. Để trở thành một giáo viên dạy giỏi tiếng Anh thì người giáo viên cần có những phẩm chất nào? Giáo viên và sinh viên có nhận thức giống nhau hay khác nhau về phẩm chất của giáo viên dạy tiếng Anh giỏi? Dựa vào tiêu chuẩn nào để đánh giá một giảng viên dạy tiếng Anh giỏi? Vì hiện nay chưa có tiêu chuẩn nào để đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh giỏi nên việc xây dựng tiêu chuẩn này rất là cần thiết.

Trong bối cảnh Trường Đại học Trà Vinh hòa cùng xu thế hướng đến việc nâng cao chất lượng dạy và học môn tiếng Anh của cả nước, Trường đã đề ra kế hoạch số 1333/KH-ĐHTV ngày 15/11/2012 về việc triển khai Đề án ngoại ngữ 2020 tại Trường

Đại học Trà Vinh giai đoạn 2012-2020. Trong Kế hoạch có nêu thực trạng dạy và học ngoại ngữ tại Trường và thực hiện ý kiến của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo nên đã đưa ra mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện để nâng cao năng lực ngoại ngữ của sinh viên và nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên ngoại ngữ. Bên cạnh đó, Trường Đại học Trà Vinh đang thực hiện chương trình đào tạo theo tín chỉ nên việc sinh viên chọn lựa giảng viên để học là điều tất nhiên. Do đó đòi hỏi giảng viên nhất là giảng viên dạy tiếng Anh phải có năng lực giỏi và phẩm chất đạo đức tốt. Trong khi đó việc đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Trà Vinh chưa được thực hiện vì chưa có tiêu chuẩn nào dành riêng để đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh. Các giảng viên dạy tiếng Anh tại Trường chỉ được khảo sát chung như các giảng viên dạy các môn khác qua phiếu khảo sát của Phòng Đảm Bảo Chất Lượng phát cho sinh viên sau khi kết thúc từng môn học. Một số giảng viên dạy tiếng Anh muốn tự đánh giá mình thông qua ý kiến của sinh viên sau khi kết thúc môn học thì tự thiết kế một số câu hỏi để thăm dò ý kiến sinh viên. Còn đa số các giảng viên khác của Bộ môn Ngoại Ngữ thì không tự đánh giá việc giảng dạy của mình được vì không biết phải đánh giá gì và dựa vào đâu để đánh giá. Vì thế nghiên cứu này nhằm kịp thời xây dựng bộ tiêu chuẩn để sau khi kết thúc môn học tiếng Anh sinh viên đánh giá giảng viên mới vừa dạy môn tiếng Anh cho lớp. Đồng thời giảng viên dạy tiếng Anh tại Trường sử dụng bộ tiêu chuẩn để tự đánh giá về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, ứng xử trong quan hệ xã hội, và những phẩm chất đạo đức của mình để phát huy những phẩm chất tốt đã có và tìm ra những phẩm chất cần trau dồi, bồi dưỡng thêm để tự điều chỉnh mình, điều chỉnh phương pháp, chiến thuật giảng dạy tốt hơn cũng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, nâng cao uy tín của giảng viên và tạo được vị thế tốt cho Trường Đại học Trà Vinh.

Giới hạn đề tài:

Đề tài này chỉ nghiên cứu trên phạm vi các đối tượng chỉ ở Trường Đại học Trà Vinh và không tìm hiểu sự khác nhau hay phân tích nguyên nhân về sự chênh lệch về ý kiến giữa giảng viên và sinh viên hoặc giữa giới tính, dân tộc, số năm dạy hay học của giảng viên và sinh viên vì lý do thời gian có giới hạn.

Nội dung nghiên cứu:

1. Tìm hiểu quan điểm của giảng viên và sinh viên về tiêu chuẩn phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học
2. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

1. Phương pháp khảo cứu tài liệu: tìm hiểu các nghiên cứu trong và ngoài nước về phẩm chất và tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giáo viên dạy tiếng Anh giỏi.
2. Phương pháp điều tra khảo sát: sử dụng bảng câu hỏi để thu thập thông tin về ý kiến của 607 sinh viên chuyên và không chuyên ngành tiếng Anh bậc Cao đẳng và Đại học khóa 2010, 2011, 2012, 2013 và 30 giảng viên dạy tiếng Anh tại trường Đại học Trà Vinh (giảng viên thuộc Bộ môn Ngoại Ngữ, Trung Tâm Victory và giảng viên thỉnh giảng) đối với phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi.
3. Phương pháp phỏng vấn: tìm hiểu quan điểm của 30 sinh viên chuyên và không chuyên ngành tiếng Anh bậc Cao đẳng và Đại học khóa 2010, 2011, 2012, 2013 và 30 giảng viên dạy tiếng Anh tại trường Đại học Trà Vinh (Bộ môn Ngoại Ngữ, Trung Tâm Victory và giảng viên thỉnh giảng) đối với phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi qua phiếu phỏng vấn.
4. Phương pháp thống kê, phân tích định lượng và định tính: thống kê và phân tích các số liệu và ý kiến thu được bằng việc sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20.

5. Phương pháp thực hiện kiểm chứng dữ liệu thu thập được với phần mềm thống kê SPSS 20.

6. Phương pháp thực nghiệm: sau khi có kết quả khảo sát nhóm nghiên cứu sẽ xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học và áp dụng bộ tiêu chuẩn đó để đánh giá 30 giảng viên tiếng Anh tại Trường.

7. Phương pháp chuyên gia: Tổ chức hội thảo để lấy ý kiến đóng góp cho các tiêu chuẩn.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN VỀ CÁC KHÁI NIỆM

1.1. Các khái niệm tiêu chuẩn, đánh giá và phẩm chất

1.1.1. Tiêu chuẩn

“Tiêu chuẩn, theo nghĩa đo lường, là các công cụ chúng ta thường sử dụng trong việc đánh giá trong nhiều lĩnh vực đời sống và công việc, hoặc là đo chiều dài, đánh giá tác phẩm, phê bình nhà hàng, hoặc là đo lường thành quả nghề nghiệp” (Ingvarson và Rowe, 2008, tr.16).

Bailey (2006, tr. 208 -213) đã phân ra các loại tiêu chuẩn được dùng trong việc thực hiện đánh giá giáo viên. Không phải tất cả các loại tiêu chuẩn này phù hợp trong tất cả các hoàn cảnh. Quan trọng là cùng với sự hợp tác của các giáo viên có liên quan và những người yêu cầu đánh giá giáo viên quyết định xem tiêu chuẩn nào thích hợp cho hoàn cảnh của mình.

Ingvarson và Rowe (2008, tr.12) cho rằng: “Nếu việc đo lường phẩm chất giáo viên được sử dụng trong việc quyết định phê bình đời sống và nghề nghiệp của giáo viên thì việc đo lường nên được dựa vào tiêu chuẩn có giá trị hoặc cơ sở có thể bào chữa được.”

Người phát triển các tiêu chuẩn giảng dạy cần làm rõ ràng các nguyên tắc thực hành hướng dẫn hợp lý và những gì giáo viên nên biết và có thể làm để đảm bảo người học có được việc học chất lượng (Ingvarson và Rowe, 2008, tr.16).

1.1.2. Đánh giá

Đánh giá là “một tiến trình thu thập thông tin một cách có hệ thống để thực hiện việc suy xét” (Rea-Dickns và Germaine, 1982, tr. 22 trích trong Cameron, 2001, tr. 222).

“Ba yếu tố cần thiết của việc đánh giá là các thông tin, diễn giải và quyết định” (Richard, 1996, tr. 4).

Murdoch (2000, 55-56) nói rằng “một hệ thống xem xét năng lực giáo viên tiên bộ cần dựa trên năm nguyên tắc hay mục đích cơ bản”: (1) khuyến khích thực hành phản ánh; (2) cho quyền và làm động cơ thúc đẩy giáo viên; (3) đánh giá tất cả các mặt của hoạt động nghề nghiệp của giáo viên; (4) quan tâm ý kiến của sinh viên; và (5) thúc đẩy sự hợp tác (Bailey, 2006, tr.192).

1.1.3. Phẩm chất

Mortimore, 1991 và Reynolds cùng một số tác giả khác, 2002 đã thảo luận trọng tâm những yếu tố của phẩm chất giáo viên là những gì giáo viên nên biết (kiến thức môn học) và có thể làm (năng lực sư phạm) (Ingvarson và Rowe, 2008).

Nghiên cứu này dùng thuật ngữ phẩm chất để chỉ các đặc điểm liên quan đến kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ứng xử trong quan hệ xã hội và phẩm chất cá nhân của giảng viên.

1.2. Các quan niệm về giáo viên dạy giỏi

Cordia (2003) đã tổng hợp các thuộc tính của một giáo viên giỏi là *Thúc đẩy sinh viên học tập, Là một tấm gương tốt, Thiết lập mối quan hệ tốt với học sinh, Hiểu được nhu cầu và khó khăn của học sinh, Nắm vững kiến thức, Kiểm soát kỷ luật lớp học, và Thực hành giảng dạy tốt trong lớp học* (tr. 15-19).

Korthagen (2004) đã rút ra kết luận là câu hỏi “Những phẩm chất cần thiết của một giáo viên giỏi là gì?” không thể được trả lời theo một cách đơn giản và rằng một

danh sách các năng lực thì trả lời câu hỏi đó không thỏa đáng. Tuy nhiên, mô hình cấp độ thay đổi có thể làm nền để suy nghĩ về câu hỏi này. Đó là môi trường, cách cư xử, năng lực, niềm tin, cá tính và nhiệm vụ.

Ngoài ra, Wright (2005, tr. 58-59) đã đề cập rằng giáo viên nên:

- Phát triển một phong cách tích cực liên quan đến nhiều yếu tố bao gồm không gian giảng dạy, diện mạo cá nhân, cách thức ăn mặc và ngôn ngữ cử chỉ
- Điều chỉnh ngôn ngữ để phù hợp với phong cách học của sinh viên
- Làm mẫu cách cư xử tốt để sinh viên học tập
- Giúp sinh viên xây dựng lòng tự trọng. Khen ngợi và làm an lòng khi sinh viên làm điều đúng sẽ tăng cường sự tin tưởng của họ
- Hải hước có thể được sử dụng để làm dịu đi tình huống rắc rối...

Bên cạnh đó, trong biểu đồ của câu hỏi “Cái gì tạo nên một giáo viên giỏi” của Wright (2005, tr. 97), câu trả lời là giáo viên giỏi thì:

- Giải thích sự việc rõ ràng
- Cung cấp bài học thú vị
- Tin vào cách cư xử
- Giúp sinh viên với công việc của họ ngay cả thời gian học bên ngoài
- Có thể tiếp cận được nếu sinh viên có vấn đề
- Công bằng và kiên định, đối xử mọi người công bằng
- Bảo vệ quyền lợi của sinh viên và tránh xúc phạm
- Giúp sinh viên cảm thấy họ là một phần của lớp học
- Để cho cha mẹ sinh viên biết về những điều sinh viên làm tốt
- Sẵn sàng linh hoạt và thừa nhận lỗi nếu giáo viên có lỗi
- Thừa nhận giáo viên không biết hết mọi thứ
- Không trêu chọc khi sinh viên làm sai

- Có tính hài hước
- Biết tên của sinh viên
- Giúp sinh viên nếu sinh viên mắc lỗi
- Cư xử sinh viên với sự tôn trọng và như là những cá nhân

1.3. Các quan niệm về giáo viên dạy tiếng Anh giỏi

Miller (1987) đã nêu lên các phẩm chất của giáo viên dạy tiếng Anh được chia thành 4 lĩnh vực. Đó là (1) các đặc điểm hiệu quả như *nhật tình, cổ vũ động viên, hài hước, quan tâm sinh viên, sẵn sàng giúp đỡ, tinh thần phấn khởi*, (2) các kỹ năng: *sáng tạo và thách thức*, (3) *quản lý lớp học: nhịp độ và công bằng*, và (4) *kiến thức học thuật*.

Cũng như “Nguyên tắc đạo đức, kiến thức và kỹ năng được hợp nhất cơ bản trong một giáo viên có tài năng.” (Pettis trong Richards và Renandya, 2002, tr. 394).

Ur trong Richards và Renandya (2002) đã nói rằng “Chúng ta những giáo viên tiếng Anh là những người chuyên nghiệp” để ám chỉ rằng:

- Chúng ta là một cộng đồng. Chúng ta là một nhóm đồng nhất mà các thành viên của nhóm quan tâm đến việc tương tác với nhau vì việc học tập và cũng vì niềm vui trao đổi kinh nghiệm và ý tưởng với đồng nghiệp thân quen.
- Chúng ta được ủy nhiệm. Chúng ta được ủy nhiệm để đạt đến các tiêu chuẩn thành quả nào đó và chúng ta hiểu được trách nhiệm của chúng ta đối với người học của chúng ta và việc học của họ.
- Chúng ta công bố. Chúng ta truyền đạt những ý tưởng mới, lý thuyết hay thực hành với nhau và với công chúng trên diện rộng: qua các cuộc thảo luận nội bộ, các hội nghị quốc gia hay quốc tế, báo chí, hay sách.
- Chúng ta học. Chúng ta không chỉ dạy: Chúng ta cũng học liên tục về nội dung môn học, về phương pháp giảng dạy, và về nhiều điều khác để làm cho

chúng ta có giáo dục tốt hơn và vì thế trở thành nhà giáo dục giỏi hơn. Chúng ta đọc, chúng ta nghe, chúng ta phản ánh, chúng ta thảo luận.

- Chúng ta tự quản. Không ai khác có thể bảo chúng ta làm gì; chính chúng ta có trách nhiệm để duy trì các tiêu chuẩn nghề nghiệp. Vì thế theo nguyên tắc, một người chuyên nghiệp nên đặt ra yêu cầu cho sự tín nhiệm ở các mức độ khác nhau và nên hành động như “người giữ công”, đảm bảo rằng việc dạy không được thực hiện bởi các nghiệp dư yếu năng lực.

- Chúng ta có trách nhiệm cho việc đào tạo giáo viên mới. Những giáo viên chuyên nghiệp nên tổ chức các khóa học và giảng dạy cho thế hệ giáo viên kế tiếp qua những khóa học của trường phổ thông, trường cao đẳng, hoặc trường đại học (tr. 391).

Bên cạnh đó, Cordia (2003) đã tổng hợp các thuộc tính của giáo viên dạy tiếng Anh giỏi: *Hiểu được nhu cầu và khó khăn của học sinh, Thúc đẩy học sinh học tiếng Anh, Có trình độ chuyên môn và đào tạo sư phạm, Sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau, Phát triển việc thực hành giảng dạy trong lớp học, Tạo ra môi trường thoải mái và thú vị, Chấp nhận lỗi của học sinh, Cân bằng việc sử dụng 4 kỹ năng trong tiếng Anh, Khuyến khích sinh viên nói và tham gia các hoạt động tiếng Anh, Giải thích rõ ràng, Cập nhật, và Biết được văn hóa của người nói tiếng Anh* (tr. 39 - 51).

Senior (2006) cũng đã nêu lên những giá trị được chia sẻ bởi nhiều giáo viên ngôn ngữ có kinh nghiệm. Giáo viên ngôn ngữ cố gắng tạo môi trường lớp học ấm áp, thân thiện, được bảo vệ trong đó sinh viên sẽ cảm thấy đủ thoải mái để học ngôn ngữ. Giáo viên ngôn ngữ cân nhắc việc quản lý học sinh theo lớp học như một hợp nhất hơn là một tổ hợp của các cá nhân. Hơn nữa, giáo viên ngôn ngữ có thể dạy theo các cách linh hoạt để phù hợp với mục tiêu của các nhóm học ngôn ngữ. Ngoài ra, giáo viên ngôn ngữ để lớp học của mình hoạt động hiệu quả theo nhóm (tr. 262-263).

Theo Harmer (2007), giáo viên dạy tiếng Anh giỏi có thể học nghề của mình qua cá tính, sự thông minh, kiến thức và kinh nghiệm. Tác giả thảo luận những yếu tố cần thiết của giáo viên dạy tiếng Anh giỏi là (1) *dáng vẻ bên ngoài và cách cư xử trong lớp học (cách ăn mặc, điệu bộ cử chỉ, giọng nói và cá tính, khả năng thích ứng, và vai trò của giáo viên)*; (2) *mối quan hệ giáo viên và sinh viên (nhận ra sinh viên, lắng nghe sinh viên, tôn trọng sinh viên và công bằng)*; công việc của giáo viên (*chuẩn bị, lưu giữ hồ sơ, và sự đáng tin cậy*); (3) *kỹ năng giáo viên (quản lý lớp học, khớp bài tập với nhóm, đa dạng các hoạt động và chủ đề, thuyết phục để đạt mục tiêu học tập)*; (4) *kiến thức giáo viên (hệ thống ngôn ngữ, nguồn tài liệu, thiết bị và luôn cập nhật)* (tr. 23-45).

Crookes (2009, tr. 124) đã đặt ra một câu hỏi là tại sao giáo viên ngôn ngữ nên có, hay yêu cầu có kiến thức và tác giả trả lời rằng hầu hết giáo viên có lẽ đồng ý là họ phải có một loại kiến thức nào đó để làm tốt công việc của mình và bởi vì giáo viên là một bộ phận của nghề nghiệp nên đưa ra yêu cầu “kiến thức chuyên môn” sẽ là tất nhiên. Có lẽ là giáo viên ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ, đặc biệt là giáo viên tiếng Anh thật sự cần nhấn mạnh kiến thức.

Một số chuyên gia ngôn ngữ thứ hai nói rằng biết *một ngôn ngữ là không chỉ “biết cách” mà còn đi đôi với cấu trúc câu đúng ngữ pháp*. Nó cũng liên quan kiến thức mà có thể làm cho các câu đó được sử dụng hiệu quả trong một nền văn hóa khác. Trong trường hợp này, *kiến thức ngôn ngữ phải được lồng vào trong kiến thức văn hóa của ngôn ngữ thứ hai* (Crookes, 2009, tr. 121-122).

Vì thế, nhiều vai trò khác nhau của giáo viên trong lớp học đã được Harmer (2012, tr. 146) nêu lên cụ thể như sau:

1. Giáo viên là “facilitator” có nghĩa là giáo viên phải luôn luôn làm mọi thứ như có thể để làm cho việc học diễn ra trôi chảy và thích hợp cho người học.
2. Giáo viên truyền đạt việc dạy - giáo viên cung cấp sinh viên thông tin hoặc giải thích là một cách giúp sinh viên học tập.

3. Giáo viên là người quản lý khi giải thích sự việc, ghi nhận sinh viên đăng ký lớp học hoặc báo sinh viên làm gì.
4. Giáo viên là người tổ chức để xếp đặt và khởi xướng hoạt động. Hay nói cách khác giáo viên nên thu hút sinh viên trong hoạt động, cho lời hướng dẫn rõ ràng, khởi xướng hoạt động và cho phản hồi.
5. Giáo viên thường hoạt động như một người thu thập chứng cứ để kiểm tra xem sinh viên biết gì và đang làm đúng việc gì.
6. Giáo viên hoạt động như người nhắc. Ví dụ như giúp sinh viên tạo câu mới và khuyến khích họ nói khi họ ngập ngừng.
7. Giáo viên cần hoạt động như một nguồn tài nguyên cho sinh viên. Sinh viên có thể hỏi những câu hỏi về những điều họ không hiểu.
8. Giáo viên thường có vai trò là người cung cấp thông tin phản hồi khi giáo viên sửa lỗi cho sinh viên, cho nhận xét về những gì họ đã nói hay khen ngợi sự nỗ lực của họ.
9. Giáo viên thường là một chủ bút khi sinh viên viết bằng tiếng Anh hoặc chuẩn bị một bài trình bày.
10. Giáo viên có thể là người dạy kèm cho cá nhân sinh viên - cho sinh viên những thông tin và lời khuyên cá nhân về việc học tiếng Anh và thảo luận công việc của họ.
11. Giáo viên là người cung cấp kiến thức đầu vào mà sinh viên có thể lĩnh hội được, nói với họ theo cách mà giúp họ lĩnh hội được ngôn ngữ của mình.

Ngoài ra, Vo (2011) cũng đã tổng hợp kết quả của các nghiên cứu trước là: Một giáo viên dạy tiếng Anh giỏi không chỉ có việc thành thạo ngôn ngữ và kiến thức về ngôn ngữ cũng như phương pháp giảng dạy mà còn có thể tạo động cơ cho học sinh học tập và phát triển cá tính tích cực. Giáo viên giỏi cũng duy trì mối quan hệ giáo viên và học sinh tốt đồng thời có một số phẩm chất cá nhân cần thiết. Vì thế, tác giả đã thực hiện khảo sát về phẩm chất của giáo viên dạy tiếng Anh giỏi thuộc 4 lĩnh vực: *kiến*

thức (kiến thức ngôn ngữ Anh, kiến thức tổng quát, kiến thức sư phạm và tâm lý giáo dục), kỹ năng nghề nghiệp (chuẩn bị giáo án và kỹ năng sử dụng tài liệu, thiết bị giảng dạy, thực hành giảng dạy trong lớp học, kiểm tra và đánh giá học sinh), đặc điểm cá nhân, và ứng xử xã hội (ứng xử với học sinh và đồng nghiệp).

Tóm lại, nhiều tác giả đã nêu lên các đặc điểm cần thiết của một giáo viên dạy tiếng Anh giỏi nói chung nhưng chưa tìm thấy các phẩm chất cần thiết của giảng viên ở Cao đẳng và Đại học. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ thăm dò ý kiến của giảng viên và sinh viên bậc Cao đẳng và Đại học về những phẩm chất cần thiết hay quan trọng của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi dựa trên những phẩm chất của giáo viên dạy tiếng Anh giỏi của những nghiên cứu trước đây có chọn lọc chỉnh sửa và bổ sung cho phù hợp với đặc điểm của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở Cao đẳng và Đại học.

1.4. Sơ lược các nghiên cứu có liên quan ở phạm vi trong và ngoài nước

1.4.1. Các nghiên cứu đề xuất phẩm chất hay đặc điểm của giáo viên hay giảng viên dạy tiếng Anh giỏi

“ The Good University Teacher’ as perceived by the students” là tên đề tài của Miron và Segal (1978). Trong nghiên cứu này khái niệm về “giảng viên giỏi” của sinh viên Israel được điều tra. Sinh viên đại học năm thứ hai được yêu cầu chọn ba đặc điểm quan trọng nhất của một giảng viên giỏi từ danh sách 15 đặc điểm. Nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên đánh giá đặc điểm quan trọng nhất là *phương pháp giảng dạy*. Đặc điểm quan trọng thứ hai là *khả năng của giảng viên đối với việc phát triển trí óc*. *Khả năng nghiên cứu, cá tính, và chức danh* thì ít được quan tâm. Sinh viên ngành y, luật, khoa học đời sống và khoa học xã hội tất cả tán thành việc nhấn mạnh tầm quan trọng của *khả năng truyền đạt ý tưởng của giảng viên*, trong khi đó sinh viên ngành nhân văn nhấn mạnh việc *khuyến khích tư duy*. Sinh viên đánh giá giảng viên bởi *khả năng truyền đạt kiến thức* hơn là theo tiêu chuẩn nghiên cứu và xuất bản của trường đại học.

Cũng như Cordia (2003) với nghiên cứu “What makes a ‘Good Language Teacher’?” đã nhận ra nhận thức của giáo viên và học sinh viên Hồng Kông ở trường cấp hai về người giáo viên dạy giỏi tiếng Anh qua các bài luận viết về chủ đề “Giáo viên tiếng Anh giỏi là gì?”. Kết quả có được một danh sách gồm 47 yếu tố thuộc 5 lĩnh vực: *Phẩm chất cá nhân và cá tính, Phát triển nghề nghiệp và yêu cầu học thuật, Vai trò của giáo viên, và Thực hành lớp học.*

Kế đến, nghiên cứu của Guskey và Easton năm 2006 có tên là “Characteristics of Very Effective Teachers in Urban Community College”. Nghiên cứu này có kết quả điển giải đặc điểm và cách cư xử của những giảng viên cao đẳng cộng đồng thành thị giảng dạy rất có hiệu quả. Dữ liệu được thu thập qua các cuộc phỏng vấn cụ thể với 28 giảng viên gương mẫu dạy các môn sinh học, tiếng Anh, toán học, hoặc khoa học xã hội. Kết quả cho thấy rằng những giảng viên giảng dạy hiệu quả này đã chia sẻ việc thực hành và đặc điểm giảng dạy chung nhưng ít đặc điểm cá nhân phổ biến.

Hơn nữa, “Perceived Characteristics of the Effective Language Teacher” là tên đề tài nghiên cứu của Brosh (2008). Nghiên cứu này đã nhận ra các đặc điểm của giáo viên dạy ngôn ngữ hiệu quả qua hai đối tượng giáo viên và học sinh trong hệ thống giáo dục Israel. Hai nhóm đối tượng được chọn ngẫu nhiên gồm 200 giáo viên ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ả Rập và tiếng Do Thái) và 406 học sinh lớp 9 từ 10 trường khác nhau. Số liệu được thu thập từ bảng câu hỏi và phỏng vấn. Các đặc điểm khác nhau về giáo viên ngôn ngữ hiệu quả được rút ra từ nghiên cứu là *sự thông thạo ngôn ngữ đích; khả năng sắp xếp, giải thích và làm rõ; và khả năng khơi gợi, duy trì sở thích và động cơ học tập.*

Ur (2012, tr. 265-266) đã thăm dò ý kiến người học là người lớn qua bảng câu hỏi theo thang 5 mức độ: Rất đồng ý, Đồng ý, Không quyết định được, Không đồng ý, và Hoàn toàn không đồng ý với các ý kiến sau: (1) *Giáo viên ăn mặc đẹp và trông dễ nhìn thì quan trọng, (2) Thật quan trọng đối với giáo viên khi quan tâm nhiều về việc*

giảng dạy của mình, (3) Một giáo viên giỏi kiểm soát lớp chặt chẽ, (4) Một giáo viên giỏi cư xử với học viên công bằng và tôn trọng, (5) Một giáo viên giỏi thì nhiệt tình và thân thiện đối với học viên (6) Một giáo viên giỏi biết và gọi tên học viên, (7) Một giáo viên giỏi quan tâm đến mỗi học viên như là một cá thể, (8) Một giáo viên giỏi sẽ thay đổi giao án và làm một cái gì khác nếu đó là những gì học viên cần, (9) Một giáo viên giỏi để cho học viên tự chấm bài kiểm tra của mình, (10) Học viên thích thú khi đón nhận và nghĩ về bài học, (11) Một giáo viên giỏi bắt sinh viên làm việc tích cực, (12) Một giáo viên giỏi làm cho học viên có niềm vui trong bài học, (13) Một giáo viên giỏi luôn cho các bài học thú vị, (14) Nếu học viên cần giúp đỡ, một giáo viên tìm thời gian để nói chuyện bên ngoài lớp học.

Cũng như, Stronge (2007, tr. 110) đã đưa ra một danh sách đánh giá các kỹ năng của giáo viên. Trong đó có 6 nhóm phẩm chất: (1) *Quan tâm gồm biểu lộ việc lắng nghe tích cực, bày tỏ sự quan tâm đến trạng thái thể chất và tình cảm của học sinh, biểu lộ sự thích thú và quan tâm về cuộc sống của học sinh bên ngoài trường, và tạo ra môi trường lớp học ấm áp và đem lại sự giúp đỡ;* (2) *Bày tỏ sự công bằng và tôn trọng: phản ứng lại cách cư xử xấu về mức độ cá nhân, ngăn ngừa tình huống trong đó một sinh viên mất lòng tự trọng với bạn bè, đối xử học sinh công bằng, tạo ra tình huống cho tất cả sinh viên thành công, và bày tỏ sự tôn trọng đối với tất cả học sinh;* (3) *Tương tác với học sinh: giữ được vai trò giáo viên trong khi thân thiện, cho học sinh trách nhiệm, biết được sở thích của học sinh cả trong và ngoài trường, coi trọng những gì học sinh nói, tác động qua lại theo cách khôi hài, vui vẻ, và nói đùa khi thích hợp;* (4) *Nhiệt tình: bày tỏ sự thích thú tài liệu giảng dạy, lấy niềm vui trong việc giảng dạy, thực hiện các hoạt động học ngoài trường;* (5) *Động cơ thúc đẩy: duy trì công việc chất lượng cao, trả bài làm của học sinh kịp thời, cho sinh viên phản hồi có ý nghĩa;* (6) *Tận tụy với việc giảng dạy: có thái độ tích cực về cuộc sống và việc giảng dạy, dành thời gian chuẩn bị ngoài trường, tham gia các hoạt động với đồng nghiệp, chịu*

trách nhiệm đối với kết quả của học sinh, cố gắng phát triển chuyên môn, tìm kiếm, thực hiện và chia sẻ chiến thuật giảng dạy mới. Các phẩm chất này được đánh giá theo thang 5 mức độ: Không được nhận xét (Not observed), Không hiệu quả (Ineffective), Tập sự (Apprentice), Chuyên nghiệp (Professional), Thành thạo (Master)

Tương tự, Dornyei (2001, tr.137-144) đã liệt kê nhiều chiến thuật tạo động cơ thúc đẩy người học được giáo viên ngôn ngữ sử dụng gồm 4 phần. Mỗi phần có nhiều yếu tố và mỗi yếu tố có các chiến thuật cụ thể. Phần (1) là *Tạo điều kiện thúc đẩy cơ bản* có 8 yếu tố. Yếu tố quan trọng là *Phát triển mối quan hệ cá nhân với học viên, Tạo bầu không khí hỗ trợ và vui vẻ trong lớp học*. Phần (2): *Tạo động cơ ban đầu* cũng có 8 yếu tố, trong đó có yếu tố: *Làm cho chương trình và tài liệu giảng dạy tương thích với sinh viên, Giúp tạo ra niềm tin cho người học thật sự*. Phần (3): *Duy trì và bảo vệ động cơ* có 14 yếu tố. Đáng chú ý là các yếu tố: *Tạo ra niềm tin cho người học bằng việc khuyến khích thường xuyên, tạo ra niềm tin cho người học trong khả năng học bằng việc dạy họ các chiến thuật, Xây dựng cho người học niềm tin vào khả năng học tập của họ bằng việc dạy cho họ những chiến thuật học tập khác nhau, tăng cường động cơ cho người học bằng việc thúc đẩy tính tự học tích cực, tăng cường khả năng tự thúc đẩy của sinh viên*. Phần (4): *Khuyến khích tự đánh giá tích cực* bao gồm 5 yếu tố. Nổi bật là *Cung cấp người học sự phản hồi thông tin tích cực*. Các chiến thuật này được đánh giá theo mức: *Đã thử nó (Tried it out) và Phần giảng dạy của tôi (Part of my teaching)*.

Trong khi Abidin (2013) đã thực hiện đề tài nghiên cứu “Student Voice on the Instructional Qualities of the Effective English Language Teacher: A Collective Case Study”, tác giả đã phỏng vấn học sinh cấp 1, cấp 2, và giáo viên thực tập ở Ma-lai-xi-a để tìm ra các phẩm chất thuộc lĩnh vực giảng dạy của giáo viên dạy ngôn ngữ hiệu quả. Tác giả đã tổng hợp được 18 phẩm chất của giáo viên dạy ngôn ngữ hiệu quả qua ý kiến của các chuyên gia trong bảng câu hỏi phỏng vấn như sau: *có đủ trình độ dạy*

tiếng Anh, soạn giáo án, thực hiện việc giảng dạy lấy người dạy làm trung tâm, mang sự sáng tạo vào lớp học, dạy từ ngữ trong ngữ cảnh hay trực tiếp cho nghĩa của từ, sử dụng công nghệ máy tính để giảng dạy, kết hợp việc học bên ngoài lớp học, linh hoạt, nói và viết sự rõ ràng, sử dụng giọng nói và tốc độ nói tốt nhất, tiếp xúc mắt trực tiếp, di chuyển quanh lớp thích hợp, là người trình diễn tốt, cho bài tập ở nhà và công việc trong lớp phù hợp, mở rộng giúp đỡ về học thuật cho học sinh, suy ngẫm về bài học, và không ngừng học tập. Các đối tượng nghiên cứu cũng đã đóng góp thêm việc quyết định các phẩm chất giảng dạy của giáo viên dạy ngôn ngữ hiệu quả.

Bên cạnh đó, Kadha (2009) đã thực hiện đề tài “What Makes a Good English Language Teacher? ‘Teachers’ Perceptions and Students’ Conceptions””. Đề tài tìm ra quan điểm của giảng viên và sinh viên ở Trường Đại học Hodeidah, Yemen về phẩm chất của một giáo viên ngôn ngữ giỏi và đưa ra định hướng cho sinh viên và giảng viên trong lĩnh vực thực hiện lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật. Tác giả đã dùng bảng câu hỏi để hỏi sinh viên và giảng viên về mức độ quan trọng của 30 phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi với 4 mức độ: Rất quan trọng, Quan trọng, Khá quan trọng, Không quan trọng lắm. Các phẩm chất đó như sau: *Khả năng trình bày tài liệu theo cách dễ hiểu, khả năng chuẩn bị tài liệu thích hợp, khả năng làm cho khóa học thú vị, khả năng soạn giáo án rõ ràng, khả năng nêu lên mục tiêu của bài học rõ ràng, khả năng tạo động cơ học tập cho sinh viên, khả năng phân tích nhu cầu của sinh viên, lưu loát một ngoại ngữ, các kỹ năng giao tiếp giỏi, khả năng làm mẫu như người sử dụng ngôn ngữ đích tốt, khả năng làm việc tốt với sinh viên trên nền tảng cá nhân, khả năng làm việc tốt với các giảng viên khác, khả năng nhận ra sở thích của sinh viên cũng như sự khác nhau từng cá nhân, khả năng nhận ra chiến thuật học của người học, khả năng hướng dẫn và đào tạo sinh viên theo hướng tự học, khả năng dạy lớp đông, khả năng kích thích sinh viên tương tác/ giao tiếp với nhau qua việc làm việc theo đôi hay nhóm/ đóng vai/ mô phỏng, khả năng linh hoạt và đa dạng kỹ thuật theo trình độ sinh viên và*

hoàn cảnh dạy và học, khả năng quản lý các hoạt động lớp học, khả năng giải thích từ vựng và ngữ pháp, khả năng cho sinh viên phản hồi thích hợp, khả năng đánh giá thành quả của sinh viên bằng các công cụ đánh giá thích hợp, làm quen với ngôn ngữ về môn học của sinh viên, kiến thức về ngôn ngữ của sinh viên, kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên, khả năng tạo ra không khí lớp học tốt, khả năng phát triển mối quan hệ đúng đắn với sinh viên, khả năng biểu lộ sự quan tâm đến tất cả sinh viên, khả năng tạo niềm tin của sinh viên, và khả năng kiên nhẫn.

Pool, Reitsma và Mentz (2011) đã nghiên cứu kiến thức cần thiết, những kỹ năng và những tiêu chuẩn mà một giáo viên công nghệ có đủ năng lực nên có và xác định xem các trung tâm đào tạo giáo viên ở Nam Phi có tạo cơ hội để phát triển các phẩm chất này hay không trong đề tài “An Evaluation of Technology Teacher Training in South Africa: Shortings and Recommendations”. Họ đã dùng nghiên cứu định lượng để có cái nhìn về bản chất của các chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành sư phạm công nghệ để tìm ra những thiếu sót trong việc đào tạo sinh viên chuyên dạy công nghệ. Đối tượng nghiên cứu là những giáo viên lâu năm có kinh nghiệm trong việc phát triển chương trình đào tạo và việc đào tạo giáo viên dạy công nghệ. Trong kết quả nghiên cứu họ đề nghị tập trung nhiều vào việc đào tạo giáo viên công nghệ như là các chuyên gia về môn học bằng việc thiết lập những tiêu chuẩn thích hợp để nâng cao việc phát triển kiến thức môn học; kiến thức giảng dạy cụ thể cho môn học bằng việc thực hiện những bài giảng nhỏ; cân nhắc thời gian, lên kế hoạch và chuẩn bị thiết bị cho việc thực hành các kỹ năng; và có đủ cơ hội để thực hành, phân tích và phản ánh tiến trình giảng dạy để phát triển chiến thuật giảng dạy phù hợp.

1.4.2. Các nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt trong quan điểm giữa giảng viên và sinh viên

Đề tài “The Good Teacher and Good Teaching: Comparing Beliefs of Second-Grade Students, Preservice Teachers, and Inservice Teachers” của Murphy, Delli, và Edwards (2004) đã khảo sát niềm tin của giáo viên, sinh viên ngành sư phạm và học

sinh cấp 2 về giáo viên giỏi và việc giảng dạy giỏi bằng việc sử dụng kết hợp khảo sát, vẽ và phỏng vấn. Kết quả cho thấy rằng niềm tin về việc dạy giỏi dường như được hình thành ở độ tuổi nhỏ với sự phân biệt giữa học sinh cấp hai và giáo viên. Bằng việc so sánh, sinh viên ngành sư phạm dường như có những niềm tin mà được phản ánh của cả 2 nhóm học sinh cấp hai và giáo viên. Đề tài cũng đã rút ra được gợi ý cho nghiên cứu, việc giảng dạy, và đào tạo giáo viên.

Bên cạnh đó, Arnon và Reichel (2007) đã có nghiên cứu tên là “Who is the ideal teacher? Am I? Similarity and difference in perception of students of education regarding the qualities of a good teacher and of their own qualities as teachers”. Trong nghiên cứu này các sinh viên sư phạm xem xét hai hình ảnh người giáo viên. Đó là người giáo viên lý tưởng và hình ảnh của chính họ như là giáo viên. Nghiên cứu đã so sánh nhận thức của sinh viên về hai hình ảnh này bằng việc dùng hai nhóm nhỏ sinh viên sư phạm: sinh viên cao đẳng sư phạm và sinh viên đang thực tập giảng dạy để hoàn tất bằng sư phạm ở trường cao đẳng. Số liệu được thu thập từ 89 sinh viên ở 2 trường cao đẳng ở Israel qua bảng câu hỏi có câu hỏi mở được phân tích định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng có hai phạm trù lớn trong nhận thức về giáo viên lý tưởng: phẩm chất cá nhân và kiến thức về môn học cũng như kiến thức mô phạm. Cả hai nhóm sinh viên giống nhau ở điểm cho là phẩm chất cá nhân của giáo viên lý tưởng là quan trọng nhiều, nhưng có sự khác nhau trong nhận thức của họ về tầm quan trọng của kiến thức: sinh viên thực tập sư phạm cho rằng *kiến thức quan trọng như phẩm chất cá nhân*, trong khi đó sinh viên sư phạm, chưa bắt đầu giảng dạy cho rằng kiến thức ít quan trọng hơn phẩm chất cá nhân của giáo viên lý tưởng. Sinh viên xác nhận rằng trong suốt quá trình học của họ, họ đã cải thiện phẩm chất của họ như là *thông cảm, ân cần, kiến thức về phương pháp giảng dạy và đức tính của người lãnh đạo*. Tuy nhiên, họ ít cải thiện được *kiến thức môn học* mà họ sẽ dạy hay là mức độ của *kiến thức tổng quát*.

Tương tự, “Characteristics of an Effective English Language Teacher as Perceived by Iranian Teachers and Learners of English” là nghiên cứu của Shishavan và Sadeghi năm 2009. Nghiên cứu này nhằm mô tả đặc điểm phẩm chất của một giáo viên dạy tiếng Anh do giáo viên và học viên học tiếng Anh nhận thức ở trường đại học, trung học, và viện ngôn ngữ ở Iran qua phiếu khảo sát. Phiếu khảo sát gồm hai phần: 46 câu về đặc điểm của giáo viên dạy tiếng Anh hiệu quả dựa vào thang Likert (Hoàn toàn không đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến, Đồng ý, Hoàn toàn đồng ý) và 8 câu hỏi mở. Trong bảng câu hỏi, đặc điểm của một giáo viên dạy tiếng Anh hiệu quả là: *hiểu rõ ngôn ngữ nói tiếng Anh, biết rõ văn hóa người Anh, đọc tiếng Anh giỏi, có mức độ thành thạo từ vựng tiếng Anh cao, viết tiếng Anh giỏi, phát âm tiếng Anh hay, nói tiếng Anh giỏi, hoàn toàn quen với ngữ pháp tiếng Anh, chuẩn bị bài tốt, theo sát chương trình, sử dụng phương pháp và kỹ thuật cụ thể trong giảng dạy, quản lý lớp học tốt, Cho bài tập về nhà, bổ sung các hoạt động nhóm trong lớp, cập nhật (sử dụng internet và các công nghệ gần đây trong giảng dạy, dạy cách học tiếng Anh ngoài lớp (dạy chiến thuật học ngôn ngữ), sử dụng giáo án, dạy tiếng Anh thích hợp với mức độ thành thạo tiếng Anh của người học, duy trì không khí lớp học tốt sử dụng quyền lực nếu cần, dạy tiếng Anh bằng tiếng Anh, dạy tiếng Anh bằng tiếng mẹ đẻ của người học, đánh giá những gì người học đã học một cách hợp lý, tạo cơ hội sử dụng tiếng Anh qua các bài tập và hoạt động có ý nghĩa, cung cấp các hoạt động khơi gợi sự thích thú học tiếng Anh, giúp đỡ người học trong và ngoài lớp, sinh viên dễ liên lạc, làm giảm nhẹ nỗi lo lắng của sinh viên trong lớp học tiếng Anh, lắng nghe ý kiến sinh viên và để sinh viên tự bày tỏ, giúp sinh viên phát triển sự tự tin để học tiếng Anh giỏi, thân thiện với sinh viên, có óc hài hước, không phân biệt học viên và đối xử họ công bằng, khơi gợi động cơ học tập của học viên đối với việc học tiếng Anh, biểu lộ sự quan tâm học viên (bằng việc nhớ tên học viên) và việc học của họ, đáng vẻ trang nhã và gọn gàng, chú ý đến nhu cầu cá nhân của học viên, lịch sự và tôn trọng cá tính của học viên, có kỷ luật, đúng giờ, công khai việc phê bình, linh hoạt, ân cần trong lớp học, yêu nghề,*

không mất bình tĩnh và giận dữ, bám sát luật và qui định hành chính, và thường xuyên đánh giá công việc của mình. Kết quả chỉ ra sự khác nhau rõ rệt giữa quan điểm của giáo viên và học viên về một số đặc điểm của giáo viên dạy tiếng Anh.

Ngoài ra, Võ (2011) đã có đề tài nghiên cứu là “Investigating Teachers’ and Students’ Perceptions about the Qualities of a Good English Foreign Language (EFL) Teacher – A Case Study at Some Rural High Schools in An Giang Province”, đề tài điều tra nghiên cứu tại bốn trường phổ thông trung học ở nông thôn An Giang. Tác giả đã dùng bảng câu hỏi theo thang Likert (Không quan trọng, Khá quan trọng, Quan trọng, Rất quan trọng, Tối quan trọng) để hỏi học sinh và giáo viên về mức độ quan trọng của 53 phẩm chất của một giáo viên dạy tiếng Anh giỏi. Các phẩm chất đó là: *nắm vững kiến thức tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, cách sử dụng ngôn ngữ, ...); có kiến thức rộng (về văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, chính trị, ...); có khả năng giao tiếp tiếng Anh tốt; có vốn từ vựng phong phú; có kiến thức vững chắc về phương pháp giảng dạy và tâm lý giáo dục; sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy học (TV, cassette, máy tính, internet, ...); chuẩn bị bài giảng chu đáo, sử dụng phương pháp giảng dạy linh hoạt, sáng tạo; có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu; tạo nhiều cơ hội cho học sinh nói tiếng Anh (cả trong lớp và ngoài lớp); trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác; giúp học sinh phát triển tất cả các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết); cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng học sinh; liên hệ bài giảng với thực tế, tổ chức nhiều trò chơi/ hoạt động trong lớp học để học sinh vừa thực hành ngôn ngữ vừa thư giãn tinh thần; tổ chức cho học sinh làm việc nhóm có hiệu quả; cung cấp kiến thức thực tiễn; sử dụng tiếng Anh để giảng bài; sử dụng ngôn ngữ cử chỉ trong lớp học; sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết; cho học sinh lượng bài tập về nhà vừa phải và có hướng dẫn cụ thể cách làm; sửa bài tập về nhà cho học sinh, giúp học sinh sửa lỗi có hiệu quả; không đeo bám sách giáo khoa; ra đề kiểm tra phải dựa trên những gì học sinh đã được dạy và được học; đánh giá chính xác, khách quan năng lực học sinh; đánh giá học sinh bằng nhiều cách khác nhau (không chỉ dựa vào các kỳ thi); hướng dẫn học*

sinh cách tự học và khuyến khích các em tự giác học hỏi, khám phá; thường xuyên kiểm tra mức độ hiểu bài của học sinh để có những phản hồi thích hợp; quan tâm giúp đỡ học sinh (nhất là học sinh yếu kém); nói năng nhã nhặn lịch sự; giúp học sinh phát triển toàn diện; hiểu học sinh; thân thiện, cởi mở; tôn trọng học sinh, nhớ tên học sinh; là tấm gương đạo đức cho học sinh noi theo; ăn mặc gọn gàng, trang nhã, lịch sự; kiên nhẫn; có óc hài hước; yêu nghề; đối xử công bằng với mọi học sinh; có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp; không ngừng học tập, nghiên cứu, để nâng cao kiến thức, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp; xử sự khéo léo; có năng khiếu khác (hát, vẽ, kể chuyện, vv...); biết lắng nghe ý kiến của học sinh; có tinh thần trách nhiệm (làm việc đúng giờ, giảng dạy nhiệt tình, ...); duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong kiểm tra, thi cử; thường xuyên khuyến khích, khen ngợi học sinh; viết chữ đẹp; có giọng nói rõ ràng, dễ nghe; và có sức khỏe tốt. Kết quả điều tra chia theo bốn lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân, và cách ứng xử trong quan hệ xã hội. Tác giả nhận thấy quan niệm của giáo viên và học sinh có giống nhau và khác nhau. Điểm giống nhau là cả giáo viên và học sinh đều đánh giá cao tầm quan trọng của kiến thức nhất là kiến thức chuyên môn (kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, cách sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp). Điểm khác nhau là giáo viên quan tâm nhiều về kiến thức phương pháp và tâm lý giáo dục trong khi học sinh quan tâm về sự hiểu biết của giáo viên về văn hóa, xã hội, địa lý, lịch sử. Cả hai giáo viên và học sinh đồng ý về tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp nhưng sự đánh giá mức độ quan trọng của từng kỹ năng cụ thể giữa hai nhóm có sự khác biệt. Ngoài ra, học sinh quan tâm nhiều đến những phẩm chất cá nhân và ứng xử của giáo viên.

Nói chung, đa số các nghiên cứu tìm hiểu ý kiến của giáo viên và sinh viên về đặc điểm hay phẩm chất của giáo viên dạy tiếng Anh trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của các chuyên gia. Kết quả cho thấy các ý kiến của giáo viên và sinh viên giống nhau bên cạnh có sự khác biệt giữa các ý kiến. Các phẩm chất các nghiên cứu này nói đến chung quy thuộc các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, ứng xử trong quan hệ xã

hội, và phẩm chất cá nhân. Vì thế đây là các yếu tố cần thiết cho việc xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá giáo viên dạy tiếng Anh.

❖ **Tiểu kết chương 1:**

Tóm lại, một giáo viên dạy tiếng Anh giỏi cũng là một giáo viên giỏi nói chung. Vì thế chắc chắn giáo viên dạy tiếng Anh giỏi sẽ có cùng một số đặc điểm của giáo viên dạy bất kỳ môn nào như giảng dạy tốt trên lớp, thiết lập mối quan hệ tốt với học sinh, v.v. Tuy nhiên, những gì làm nên một giáo viên dạy tiếng Anh giỏi là kiến thức và sự thành thạo tiếng Anh, khả năng nâng cao sở thích học tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh của người học, kiến thức về văn hóa của người nói tiếng Anh, và quan trọng nhất là khả năng kết hợp những yếu tố này để thành kỹ năng cơ bản trong việc giảng dạy tiếng Anh.

Hiện nay, có nhiều nghiên cứu ngoài nước về đặc điểm hay phẩm chất của giáo viên nói chung nhưng chỉ có một vài nghiên cứu về phẩm chất của giáo viên giỏi tiếng Anh và các đối tượng nghiên cứu đa số là giáo viên và học sinh phổ thông. Các đề tài này hoặc là phỏng vấn trực tiếp những giáo viên tiêu biểu hoặc khảo sát ý kiến của giáo viên và học sinh nhưng chưa kết hợp được đa phương pháp để lấy thông tin. Chỉ có một vài nghiên cứu về phẩm chất của giảng viên dạy Cao đẳng hay Đại học. Hơn nữa, chưa có một tiêu chuẩn chính thức nào để đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học.

Ở Việt Nam có rất ít nghiên cứu về phẩm chất của giáo viên nói chung và giáo viên giảng dạy tiếng Anh nói riêng. Đặc biệt là cho đến nay chưa tìm thấy nghiên cứu nào về xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Đại học và Cao đẳng. Vì vậy, với hy vọng qua nhận thức của giảng viên và sinh viên về mức độ quan trọng của một số phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học, một bộ tiêu chuẩn đánh giá được xây dựng để giúp giảng viên dạy tiếng Anh xem xét, tự điều chỉnh mình để cải thiện việc dạy và học tiếng Anh.

Chương 2: TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN VỀ TIÊU CHUẨN PHẨM CHẤT CỦA GIẢNG VIÊN DẠY TIẾNG ANH GIỎI Ở BẬC CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC

2.1. Mục đích nghiên cứu

Sử dụng khảo sát để thu thập thông tin về ý kiến của hơn 600 sinh viên chuyên và không chuyên ngành tiếng Anh bậc Cao đẳng và Đại học khóa 2010, 2011, 2012, và 2013 cũng như 30 giảng viên dạy tiếng Anh tại trường Đại học Trà Vinh (giảng viên thuộc Bộ môn Ngoại Ngữ, Trung Tâm Victory và các giảng viên thỉnh giảng) đối với phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi.

Đồng thời phỏng vấn để tìm hiểu quan điểm của 30 sinh viên chuyên và không chuyên ngành tiếng Anh bậc Cao đẳng và Đại học khóa 2010, 2011, 2012, và 2013 và 30 giảng viên dạy tiếng Anh tại trường Đại học Trà Vinh (giảng viên thuộc Bộ môn Ngoại Ngữ, Trung Tâm Victory và các giảng viên thỉnh giảng) đối với phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi.

Sau đó phương pháp thống kê, phương pháp phân tích định lượng và định tính được sử dụng để thống kê và phân tích các số liệu và ý kiến thu được.

2.2. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu

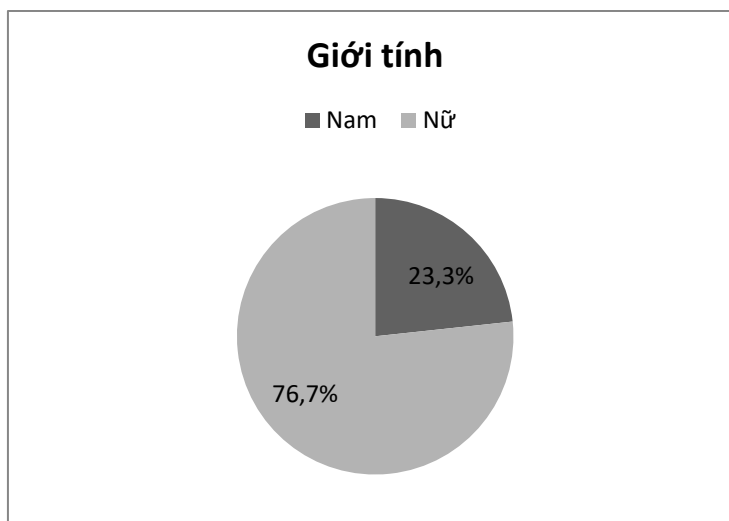
2.2.1. Đối tượng

- **Giảng viên:**

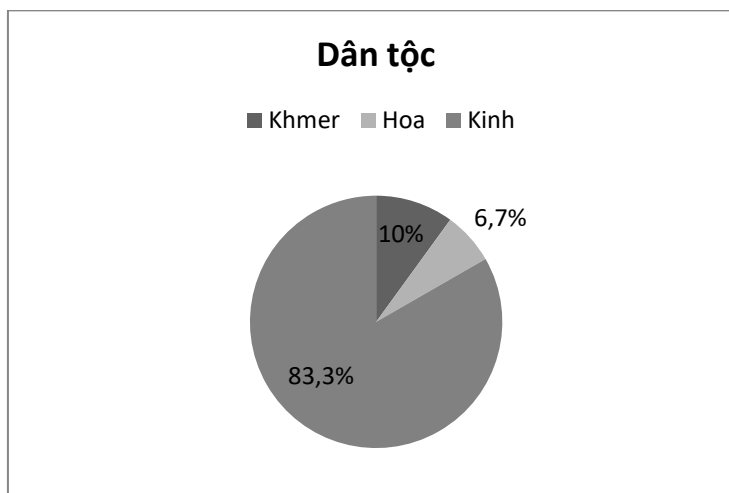
Số lượng giảng viên nữ (23 GV chiếm 76,7%) tham gia vào nghiên cứu đông hơn giảng viên nam (7 GV chiếm 23,3%) do đặc thù của môn dạy là ngôn ngữ. Trong đó có 25 giảng viên người Kinh (83,3%), 3 giảng viên dân tộc Khmer (10%), và 2 giảng viên dân tộc Hoa (6,7%). Đa số giảng viên trẻ ở độ tuổi dưới 30 là 11 (36,7%), trên 30 đến 40 là 16 (53,3%), và trên 40 là 3 (10%). Số lượng giảng viên có thời gian

giảng dạy dưới 5 năm là 8 (26,7%), trên 5 năm nhưng dưới 10 năm là 8 (26,7%), từ 10 đến 15 năm là 7 (23,3%), và trên 15 năm là 4 (13,3%). (Xem các Biểu đồ 2.1, 2.2, 2.3, và 2.4)

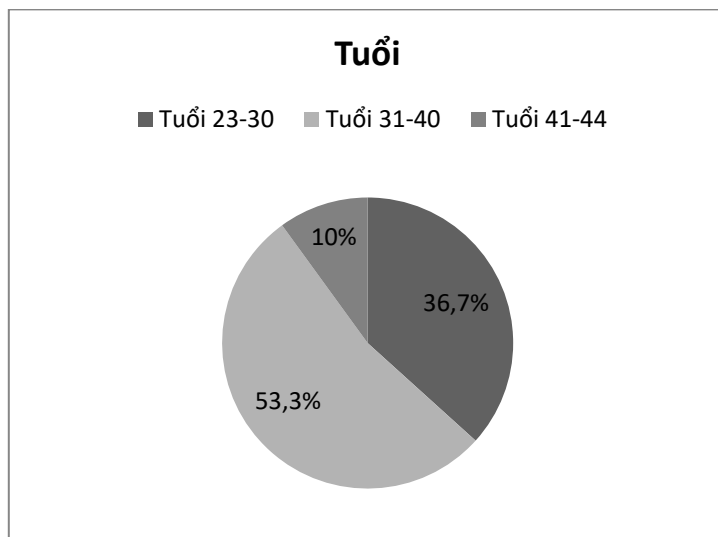
Biểu đồ 2.1. Mô tả đối tượng giảng viên theo giới tính



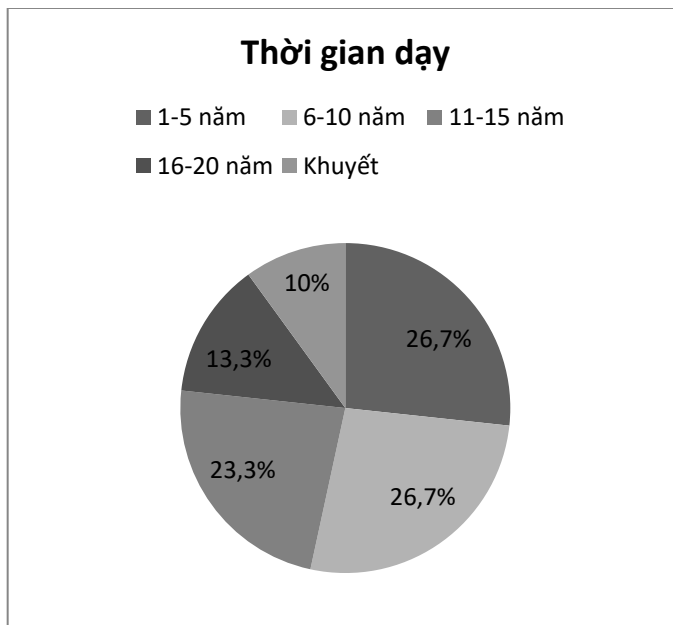
Biểu đồ 2.2. Mô tả đối tượng giảng viên theo dân tộc



Biểu đồ 2.3. Mô tả đối tượng giảng viên theo tuổi



Biểu đồ 2.4. Mô tả đối tượng giảng viên theo thời gian dạy

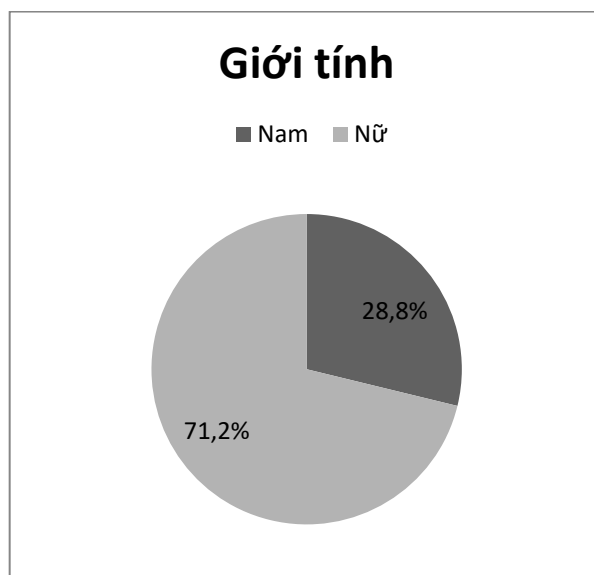


- **Sinh viên:**

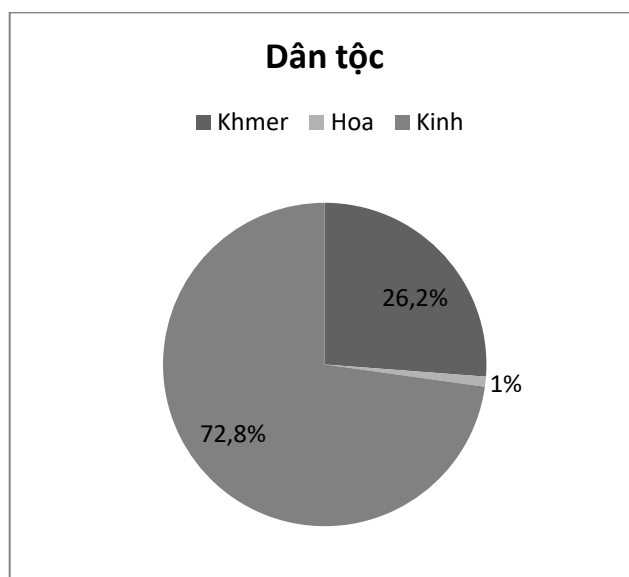
Sinh viên tham gia vào nghiên cứu là 607 gồm 432 nữ (71,2%) và 175 nam (21,8%). Trong số đó dân tộc Kinh là 442 (72,8%), dân tộc Khmer chiếm 159 (26,2%), và dân tộc Hoa là 6 (1,0%). Đa số sinh viên ở độ tuổi 19-20 (332 SV chiếm 54,7%), 264 sinh viên (43,5%) đang ở độ tuổi 21-25, 10 sinh viên (1,6%) ở độ tuổi 26-30, và chỉ 1 sinh viên trên 30 tuổi.

Các sinh viên tham gia nghiên cứu thuộc 22 lớp, trong đó có tất cả 11 lớp học chuyên Anh văn các khóa Cao đẳng và Đại học 2010, 2011, 2012, và 2013 và 11 lớp học chuyên các ngành khác (học Anh văn không chuyên) của các khóa Cao đẳng và Đại học 2010, 2011, 2012, và 2013 được bốc thăm để chọn ra thuộc các khoa Kinh Tế, Luật và Ngoại Ngữ, Sư phạm, Y Dược, Hóa học và Kỹ thuật Công nghệ (Bảng 2.8). Hầu hết sinh viên (524 SV chiếm 86,3%) đã học tiếng Anh từ 6-10 năm, 54 sinh viên (8,9%) học tiếng Anh trên 10 năm, và chỉ một số ít sinh viên (22 SV chiếm 3,6%) học tiếng Anh từ 5 năm trở xuống. (Xem các Biểu đồ 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, và 2.9)

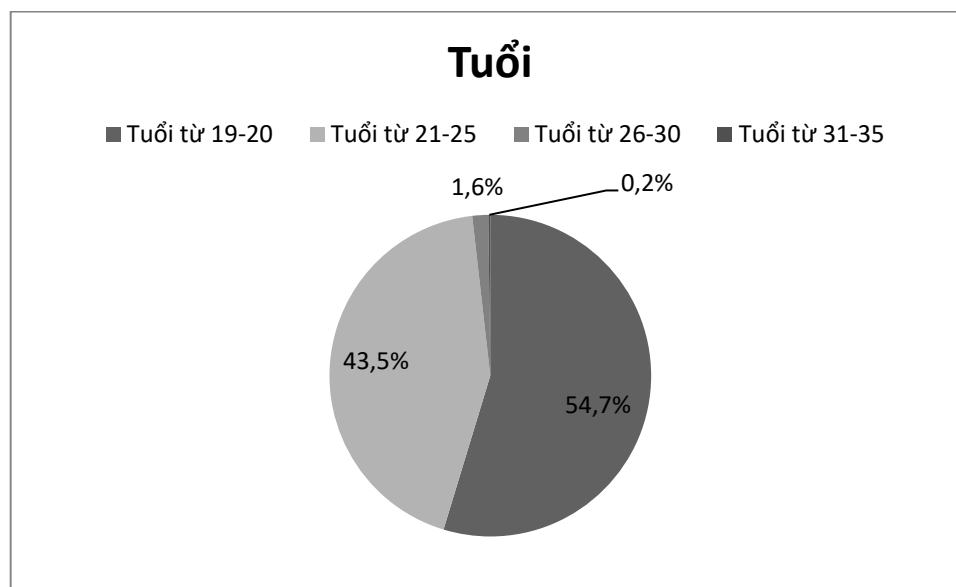
Biểu đồ 2.5. Mô tả đối tượng sinh viên theo giới tính



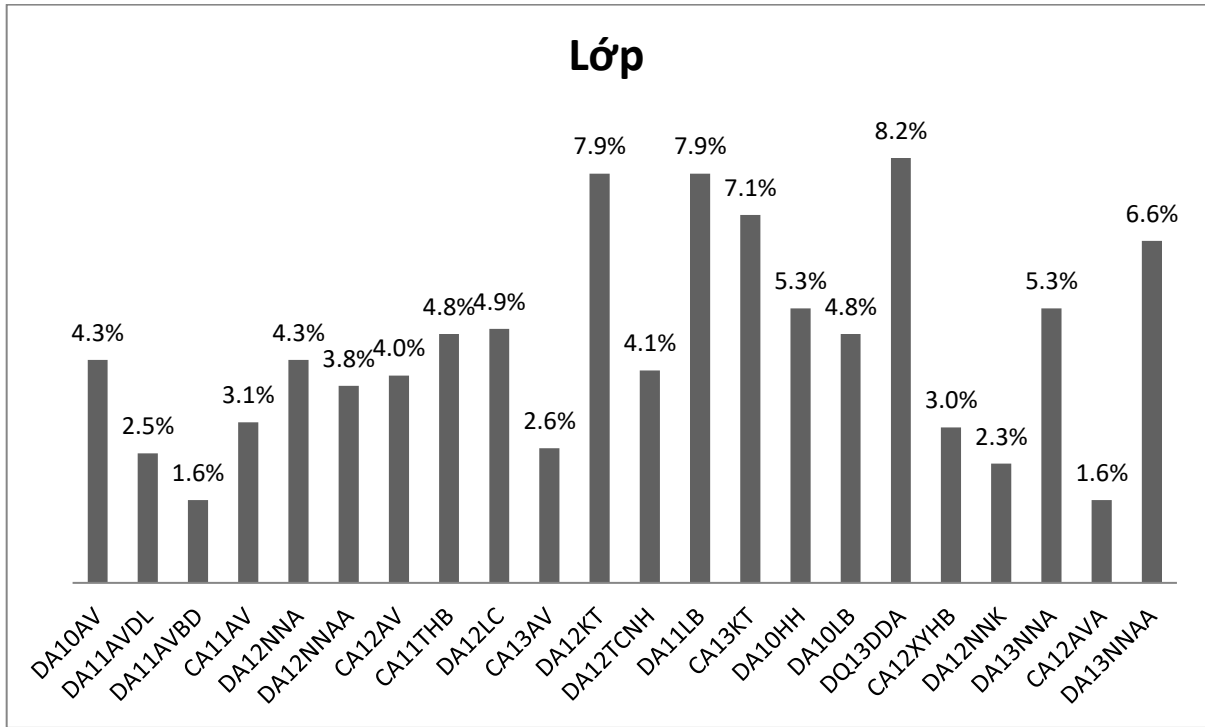
Biểu đồ 2.6. Mô tả đối tượng sinh viên theo dân tộc



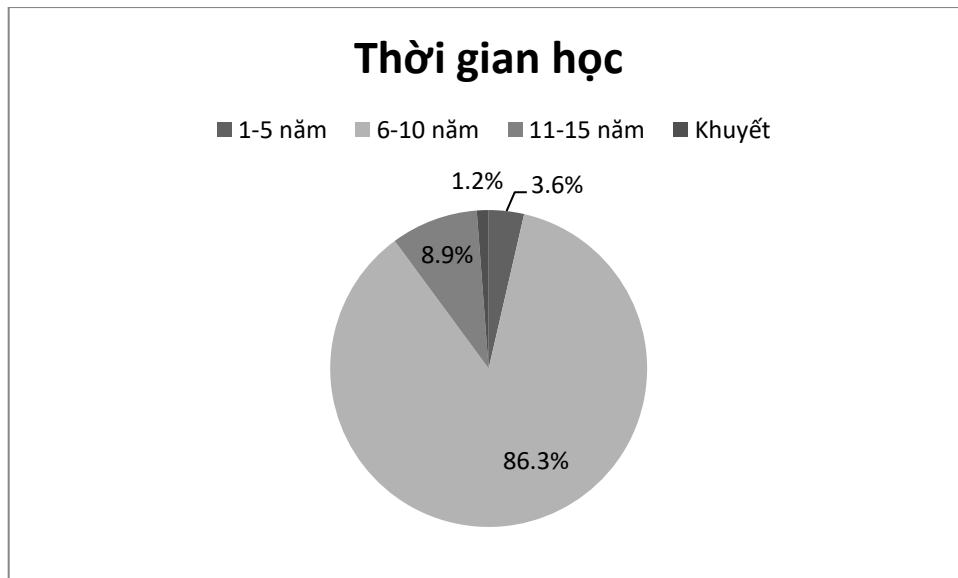
Biểu đồ 2.7. Mô tả đối tượng sinh viên theo tuổi



Biểu đồ 2.8. Mô tả đối tượng sinh viên theo lớp



Biểu đồ 2.9. Mô tả đối tượng sinh viên theo thời gian học



2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra khảo sát

Trong phương pháp này bảng câu hỏi khảo sát và bảng phỏng vấn giảng viên và sinh viên được sử dụng

Bảng câu hỏi khảo sát:

Bảng câu hỏi được phỏng theo nhiều nguồn khác nhau nhưng có chọn lọc và bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế tại Trường Đại học Trà Vinh. Các nguồn đó là bảng câu hỏi của Vo (2011, tr. 75-77), Ur (2012, tr. 265-266), Stronge (2007, tr. 110-112), Dornyei (2001, tr.137-144), Abidin (2013, tr. 176-177), Shisavan (2009, tr. 138-139), và Kadha (2009, tr. 7-9).

Câu hỏi được đánh giá theo thang đo Likert, 5 mức độ: **1. Không quan trọng; 2. Khá quan trọng; 3. Quan trọng; 4. Rất quan trọng; 5. Tối quan trọng.** Vì thế, mức 3 là mức trung bình cho nên các phẩm chất được giảng viên và sinh viên cùng đánh giá trên mức trung bình mới được chọn

Bảng 2.1. Cấu trúc bảng hỏi và thang đo dành cho giảng viên

STT	Khái niệm	Số biến quan sát	Thang đo
Phần A: Thông tin cá nhân			
1	Giới tính	1	Định danh
2	Dân tộc	1	Định danh
3	Năm sinh	1	Định danh
5	Thời gian dạy tiếng Anh	1	Định danh

Phần B: Đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố			
1	Kiến thức	8	Likert 5 mức độ
2	Kỹ năng nghề nghiệp	29	Likert 5 mức độ
3	Ứng xử trong quan hệ xã hội	12	Likert 5 mức độ
4	Phẩm chất cá nhân	14	Likert 5 mức độ

(Xem Phụ lục A)

Bảng 2.2. Cấu trúc bảng hỏi và thang đo dành cho sinh viên

STT	Khái niệm	Số biến quan sát	Thang đo
Phần A: Thông tin cá nhân			
1	Giới tính	1	Định danh
2	Dân tộc	1	Định danh
3	Năm sinh	1	Định danh
4	Lớp	1	Định danh
5	Thời gian học tiếng Anh	1	Định danh
Phần B: Đánh giá mức độ quan trọng của các biến quan sát			
1	Kiến thức	8	Likert 5 mức độ
2	Kỹ năng nghề nghiệp	29	Likert 5 mức độ
3	Ứng xử trong quan hệ xã hội	12	Likert 5 mức độ
4	Phẩm chất cá nhân	14	Likert 5 mức độ

(Xem Phụ lục B)

Bảng phỏng vấn giảng viên và sinh viên:

Bảng phỏng vấn giảng viên và sinh viên gồm 5 câu hỏi có-không kết hợp câu hỏi mở để giải thích và 1 câu hỏi chọn lựa kết hợp với câu hỏi mở để giải thích (Xem Phụ lục C và D).

- **Quá trình thu thập số liệu**

Bảng câu hỏi cho giảng viên:

Bảng câu hỏi cho giảng viên được phát cho từng giảng viên cơ hữu của Bộ môn Ngoại Ngữ và giảng viên thỉnh giảng từ Trung tâm Victory và các bộ phận khác trong trường. Giảng viên mất khoảng 15 phút để hoàn tất bảng hỏi và bảng hỏi được thu lại ngay khi giảng viên hoàn tất.

Bảng câu hỏi cho sinh viên:

Bảng câu hỏi cho sinh viên được phát cho 607 sinh viên thuộc các lớp chuyên Anh văn và chuyên các ngành khác của 4 khóa 2010, 2011, 2012 và 2013. Lần lượt tất cả các sinh viên của mỗi lớp này được nhận bảng hỏi và được hướng dẫn cẩn thận để đánh dấu vào ô mà họ cho là yếu tố đó quan trọng ở mức nào, sinh viên mất khoảng 15 phút để hoàn thành bảng hỏi tại lớp và bảng hỏi được thu lại ngay sau khi hoàn tất.

Bảng phỏng vấn giảng viên và sinh viên:

Bảng câu phỏng vấn để ghi lại các câu trả lời của 30 giảng viên cơ hữu của giảng viên Bộ môn Ngoại Ngữ và giảng viên thỉnh giảng từ Trung tâm Victory và các bộ phận khác trong trường cũng như 30 sinh viên được chọn từ các lớp chuyên Anh văn và chuyên các ngành khác trong trường. Thời gian phỏng vấn mỗi giảng viên hay sinh viên là khoảng 15 phút sau khi giảng viên hay sinh viên vừa hoàn tất việc trả lời bảng câu hỏi khảo sát.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thống kê mô tả kết quả khảo sát

Cả hai nhóm giảng viên và sinh viên có điểm chung là cùng đánh giá cao hay thấp một số tiêu chuẩn. Đối với các tiêu chuẩn có sự chênh lệch nhiều giữa giảng viên và sinh viên thì ý kiến của sinh viên được ưu tiên vì ý kiến của sinh viên là số đông (60 sinh viên trả lời phiếu khảo sát) trong khi so sánh với 30 giảng viên trả lời phiếu khảo

sát. Hơn nữa, ý kiến sinh viên là khách quan và lấy người học làm trung tâm nên sẽ thiên về ý kiến của sinh viên nếu như có sự chênh lệch nhiều giữa 2 ý kiến sinh viên và giảng viên.

2.3.1.1. Nhân tố Kiến thức

Bảng 2.3. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Kiến thức

Kiến thức	Mean-GV	Mean-SV
<i>Nghe, nói, đọc, viết TA giỏi</i>	4,13	4,05
Phát âm TA chuẩn	4,03	3,94
Nắm vững KTNPTA	3,83	3,86
Có vốn từ vựng TA phong phú	3,83	3,80
Có khả năng giao tiếp TA tốt	3,87	3,78
Có KT rộng về VH, XH, LS, DL	3,43	2,79
Có KT về PPGD & TLGD	3,77	3,26
Có KT về lĩnh vực CM của SV	3,00	3,20

Kết quả Bảng 2.3 cho thấy trong các biến quan sát nhân tố Kiến thức cả giảng viên và sinh viên đều cho là các kỹ năng *Nghe, nói, đọc, và viết tiếng Anh giỏi* (M: 4,13 và 4,05) là rất quan trọng vì hai biến này có trị trung bình cao hơn 3 của thang đo 5 mức độ và cao nhất bảng. Ngược lại, trị trung bình của giảng viên về biến *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên* là thấp nhất (M: 3,00) và của sinh viên về biến này cũng thấp (M: 3,20). Trong khi trị trung bình của sinh viên về biến *Có kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử, du lịch* là thấp nhất và dưới mức trung bình là 3 của thang đo 5 mức độ (M: 2,79) và của giảng viên cũng thấp (M: 3,43).

2.3.1.2. Nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp

Bảng 2.4. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng nghề nghiệp	Mean- GV	Mean- SV
Chuẩn bị TLGD thích hợp	3,67	3,60
Chuẩn bị bài giảng chu đáo	3,67	3,46
Sử dụng giáo án	2,77	2,53
Bám sát chương trình	2,83	2,87
Thực hiện đúng DCCTMH	2,87	2,67
Hướng SV theo cách tự học & tự NC	3,87	3,32
<i>Sử dụng các PP & KTGD linh hoạt, sáng tạo</i>	4,03	3,68
Sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy & học	3,07	3,09
<i>Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu</i>	4,10	4,00
<i>Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác</i>	4,13	3,81
Cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng SV	3,77	3,62
Cung cấp kiến thức thực tiễn hoặc liên hệ thực tế	3,57	3,52
<i>Giúp SV phát triển tất cả các kỹ năng TA</i>	4,00	4,16
Tạo nhiều cơ hội cho SV nói TA	3,77	3,89
Tạo bầu không khí thoải mái cho SV học tập	3,63	3,82
Tổ chức cho SV làm việc nhóm hiệu quả	3,43	3,25
<i>Giúp SV có tinh thần trách nhiệm</i>	3,53	2,97
<i>Quản lý lớp học & thời gian trên lớp hiệu quả</i>	3,40	2,85
Sử dụng hoàn toàn bằng TA để giảng bài	2,43	2,30
Sử dụng phần lớn TA để giảng bài & chỉ sử dụng TV khi cần	3,20	3,32
<i>Sử dụng ngôn ngữ cư chỉ trong lớp</i>	3,03	2,85
Cho SV BT ở nhà và có HD để áp dụng KT vừa học	3,20	3,17
Sửa BT về nhà & trả bài làm cho SV	3,33	3,17
Giúp SV sửa lỗi có hiệu quả	3,70	3,52

Bám sát SGK	2,30	2,10
Có TL bổ sung	3,23	2,95
Ra đề KT phải dựa trên những gì SV đã được dạy & học	3,43	3,51
<i>Đánh giá chính xác, khách quan năng lực SV</i>	4,07	3,75
Đánh giá SV bằng nhiều cách khác nhau	3,77	3,25

Trong Bảng 2.4 hai biến mà cả giảng viên và sinh viên đánh giá rất quan trọng là: *Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu* (M: 4,10 và 4,00) và *Giúp sinh viên phát triển tất cả các kỹ năng* (M: 4,00 và 4,16). Bên cạnh đó, có bảy biến giảng viên đánh giá ở mức quan trọng cao hơn sinh viên một bậc, đó là: *Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác* (M: 4,13 và 3,81), *Đánh giá chính xác, khách quan năng lực của sinh viên* (M: 4,07 và 3,75), *Sử dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy linh hoạt, sáng tạo* (M: 4,03 và 3,68) *Giúp sinh viên có tinh thần trách nhiệm* (M: 3,53 và 2,97), *Có tài liệu bổ sung* (M: 3,23 và 2,95), *Quản lý lớp học và thời gian trên lớp hiệu quả* (M: 3,40 và 2,85), và *Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ trong lớp* (M: 3,03 và 2,85). Tuy nhiên, cũng có năm yếu tố mà cả giảng viên và sinh viên đánh giá thấp dưới mức trung bình 3 của thang 5 mức độ. Chẳng hạn như biến *Bám sát sách giáo khoa* là thấp nhất (M: 2,30 và 2,10). Kế đến là *Sử dụng hoàn toàn bằng tiếng Anh để giảng dạy* (M: 2,43 và 2,30), *Sử dụng giáo án* (M: 2,77 và 2,53), *Thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học* (M: 2,87 và 2,67), và *Bám sát chương trình* (M: 2,83 và 2,87).

2.3.1.3. Nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội

Bảng 2.5. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội

Ứng xử trong quan hệ xã hội	Mean-GV	Mean-SV
Hướng dẫn & khuyến khích SV cách tự học & khám phá	3,62	3,41
Thường xuyên KT MD hiểu bài của SV để phản hồi & điều chỉnh	3,69	3,46
Duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong KT thi cử	3,76	3,03

Là tấm gương tốt để SV noi theo	3,86	3,71
Tạo động cơ học tập tốt cho SV	3,90	3,57
<i>Tìm hiểu khó khăn & nguyện vọng của SV & quan tâm giúp đỡ SV</i>	2,97	3,49
<i>Đối xử công bằng với mọi SV</i>	3,76	4,06
Tôn trọng SV	3,97	3,84
Biết lắng nghe ý kiến của SV	3,90	3,83
Thường xuyên khuyến khích, khen ngợi SV	3,76	3,02
Nhớ tên SV	2,97	2,41
Có mối QH tốt với đồng nghiệp	3,45	3,21

Từ Bảng 2.5, nhìn chung cả giảng viên và sinh viên đánh giá phần lớn các biến quan sát trong lĩnh vực này đều quan trọng nhưng mức quan trọng không cao lắm vì hầu hết trị trung bình của các biến đều dưới mức 4. Chỉ duy nhất biến *Đối xử công bằng với mọi sinh viên* thì sinh viên đánh giá cao hơn 4 (M: 4,06) nhưng giảng viên thì đánh giá thấp hơn 4 (M: 3,76). Tương tự sinh viên cho rằng biến *Tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của sinh viên và quan tâm giúp đỡ sinh viên* là quan trọng (M: 3,49) trong khi giảng viên cho yếu tố này chỉ khá quan trọng (M: 2,97). Cũng có một biến duy nhất cả hai nhóm giảng viên và sinh viên cho ở mức dưới trung bình 3 (quan trọng) của thang mức độ 5 - *Nhớ tên sinh viên* (M: 2,97 và 2,41).

2.3.1.4. Nhân tố Phẩm chất cá nhân

Bảng 2.6. Trị trung bình các biến quan sát nhân tố Phẩm chất cá nhân

Phẩm chất cá nhân	Mean-GV	Mean-SV
Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự	3,66	3,50
Kiên nhẫn	3,72	3,51
<i>Tận tụy với công việc GD</i>	<i>4,00</i>	<i>3,95</i>
Có óc hài hước	3,21	3,36
<i>Yêu nghề</i>	<i>4,03</i>	<i>4,00</i>

Nói năng nhã nhặn, lịch sự	3,86	3,80
Thân thiện, cởi mở	3,52	3,83
<i>Không ngừng HT, NC để nâng cao KT, phát triển CM NN</i>	4,21	3,85
Xử sự khéo léo	3,72	3,52
<i>Có tinh thần trách nhiệm</i>	4,07	3,68
Viết chữ đẹp	2,28	2,07
Có năng khiếu khác	2,41	2,18
Có giọng nói rõ ràng, dễ nghe	3,41	3,45
Có sức khỏe tốt	3,41	3,28

Rõ ràng *Yêu nghề* là phẩm chất được cả giảng viên và sinh viên đều cho là rất quan trọng với trị trung bình M: 4,03 và 4,00. Ba biến có sự chênh lệch về mức độ quan trọng giữa giảng viên và sinh viên có nghĩa là giảng viên có trị trung bình cao hơn sinh viên. Thứ nhất là *Tận tụy với công việc giảng dạy* (M: 4,00 và 3,95). Thứ hai là *Không ngừng học tập nghiên cứu để nâng cao kiến thức, phát triển chuyên môn nghề nghiệp* (M: 4,21 và 3,85). Thứ ba là *Có tinh thần trách nhiệm* (M: 4,07 và 3,68). Sau cùng có hai phẩm chất mà cả giảng viên và sinh viên đều đánh giá mức độ quan trọng là dưới trung bình. Chúng là *Viết chữ đẹp* (M: 2,28 và 2,07) và *Có năng khiếu khác* (M: 2,41 và 2,18) (Bảng 2.6).

Qua đây có thể rút ra được những biến có giá trị trung bình thấp của giảng viên và sinh viên được xếp theo thứ tự từ thấp nhất đối với nhóm sinh viên, có nghĩa là cả hai nhóm giảng viên và sinh viên cho rằng đây là những phẩm chất không quan trọng lắm đối với một giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao Đẳng và Đại học. (Bảng 2.7)

Bảng 2.7. Những biến quan sát có trị trung bình thấp

STT	Biến quan sát	Mean- GV	Mean- SV
1	Viết chữ đẹp	2,28	2,07
2	Bám sát sách giáo khoa	2,30	2,10
3	Có năng khiếu khác	2,41	2,18

4	Sử dụng hoàn toàn tiếng Anh để giảng bài	2,43	2,30
5	Nhớ tên sinh viên	2,97	2,41
6	Sử dụng giáo án	2,77	2,53
7	Thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học	2,87	2,67
8	Có kiến thức rộng về VH, XH, LS, địa lý, ...	3,43	2,79
9	Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ trong lớp học	3,03	2,85
10	Quản lý lớp học và thời gian trên lớp hiệu quả	3,40	2,85
11	Bám sát chương trình	2,83	2,87

Đa số các biến trên được giảng viên và sinh viên đánh giá thấp vì có trị trung bình dưới 3. Riêng có 3 biến *Có kiến thức rộng về văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, ...*; *Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ trong lớp học*; và *Quản lý lớp học và thời gian trên lớp hiệu quả* được giảng viên đánh giá cao hơn mức trung bình là 3 nhưng sinh viên lại đánh giá thấp hơn 3. Do đó 3 biến này vẫn được xem là thấp vì thiên về ý kiến sinh viên. Các biến có giá trị trung bình thấp này coi như được xem là không quan trọng lắm nên sẽ không được giữ lại khi xây dựng bộ tiêu chuẩn.

2.3.2. Thống kê mô tả kết quả phỏng vấn

2.3.2.1. Câu hỏi 1: Có yếu tố nào đặc biệt mà bạn nghĩ rằng giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học phải có ngoài những yếu tố bạn đồng ý trong bảng câu hỏi? Tại sao?

Đa số giảng viên và sinh viên trả lời trùng với các yếu tố có trong bảng hỏi.
(Xem Phụ lục E và F)

Bảng 2.8. Các yếu tố đặc biệt

STT	Yếu tố đặc biệt-GV	Tổng số	Yếu tố đặc biệt-SV	Tổng số
1	Đã từng giao tiếp với người bản xứ như người Anh, Mỹ, Canada		GV cần có nhiều kinh nghiệm thực tế để truyền lại cho SV	

	và hiểu được họ về ứng xử để tạo mối quan hệ tốt và giao tiếp tốt trong giảng dạy với họ. Vì người chưa từng và chưa hiểu sẽ giao tiếp ứng xử đôi khi làm mất lòng họ.	1		1
2	Rèn luyện đạo đức cho SV	1	GV nên biết thêm một ngoại ngữ khác để tăng khả năng tiếp thu cho SV	1
3	Không chỉ dạy chữ không mà còn phải biết quan tâm đến tác phong, đạo đức	1		
4	Tôn trọng giá trị, văn hóa của trường học và lớp học. Hành động gắn liền với giá trị.	1		

Trong số giảng viên và sinh viên được phỏng vấn, 16 giảng viên và 13 sinh viên không có ý kiến về câu hỏi này, 10 giảng viên và 15 sinh viên có ý kiến trùng lặp với một số yếu tố trong bảng hỏi. Chỉ có 4 giảng viên có và 2 sinh viên có ý kiến khác như trên Bảng 2.17. Qua các ý kiến đó, ta có thể ghép ý kiến 1 của 1 giảng viên và 1 sinh viên chung lại với nhau như là yếu tố *Giảng viên cần có nhiều kinh nghiệm thực tế như từng giao tiếp với người bản xứ như người Anh, Mỹ, Canada và hiểu được họ về ứng xử...* Yếu tố này là của 2 ý kiến trong tổng số 60 giảng viên và sinh viên chiếm tỉ lệ 3,33%. Tương tự, ta có thể ghép ý kiến 2 và 3 của 2 giảng viên thành yếu tố *Rèn luyện đạo đức cho sinh viên*. Yếu tố này chiếm tỉ lệ 3,33%. Còn 1 ý kiến của 1 giảng viên là *Tôn trọng giá trị, văn hóa của trường học và lớp học. Hành động gắn liền với giá trị* chiếm 1,67 % và ý kiến của 1 sinh viên là *Giảng viên nên biết thêm một ngoại ngữ khác* chiếm 1,67%. (Bảng 2.8)

Như vậy, 4 ý kiến trên chưa thể trở thành một trong những yếu tố dùng để làm tiêu chuẩn đánh giá giảng viên được vì tỉ lệ quá ít. Tuy nhiên, yếu tố *Giảng viên cần có*

hiều kinh nghiệm thực tế như từng giao tiếp với người bản xứ như người Anh, Mỹ, Canada và hiểu được họ về ứng xử,... và yếu tố Rèn luyện đạo đức cho sinh viên có thể cân nhắc đề nghị giảng viên nên trau dồi thêm.

2.3.2.2. Câu hỏi 2: Trong các yếu tố về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đặc điểm cá nhân và ứng xử trong quan hệ xã hội, yếu tố nào quan trọng nhất? Tại sao?

Hầu hết giảng viên và sinh viên đều nhận thức rằng Kỹ năng nghề nghiệp là quan trọng nhất trong các yếu tố.

Bảng 2.9. Yếu tố quan trọng nhất

STT	Lĩnh vực QT nhất	Số GV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ
1	Kiến thức	4	13,34%	7	23,33%
2	Kỹ năng NN	9	30,00%	13	43,33%
3	Ứng xử QHXX	2	6,67%	2	6,67%
4	Phẩm chất CN	1	3,33%	0	0,00%
5	KT & KNNN	2	6,67%	4	1,34%
6	KT & PCCN	1	3,33%	0	0,00%
7	KT, KNNN & UX	1	3,33%	0	0,00%
8	QT như nhau	7	23,33%	3	10,00%
9	Không có ý kiến	3	10,00%	1	3,33%
	Tổng cộng	30	100%	30	100%

Qua bảng 2.9, ta thấy rõ ràng rằng đa số giảng viên và sinh viên cho rằng Kỹ năng nghề nghiệp là quan trọng nhất vì yếu tố này có tỷ trọng cao nhất trong hai nhóm giảng viên (30%) và sinh viên (43,33%). Họ giải thích rằng nếu giảng viên có kỹ năng

nghe nghiệp vì “nếu giảng viên có phương pháp giảng dạy tốt sẽ giúp sinh tiếp thu kiến thức đạt hiệu quả hơn” hay “vì nếu kiến thức tốt mà không biết kỹ năng truyền đạt cho sinh thì vẫn chưa phải là giảng viên giỏi”.

2.3.2.3. Câu hỏi 3: Có phải giới tính của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên không? Ảnh hưởng như thế nào? Xin vui lòng giải thích.

Hầu hết cả giảng viên và sinh viên đều cho rằng giới tính của giảng viên không ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giảng dạy tiếng Anh.

Bảng 2.10. Giới tính ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh

Trả lời	Số GV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ
Có	6	20%	10	33,33%
Không	24	80%	19	63,34%
Không có ý kiến			1	3,33%
Tổng số	30	100%	30	100%

Đa số giảng viên và sinh viên đều cho rằng giới tính của giảng viên không ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giảng dạy tiếng Anh vì giảng viên trả lời “Không” có tỷ lệ rất cao 80% và sinh viên trả lời “Không” là 63,34% vì họ cho rằng “giảng viên chỉ cần có trình độ và khả năng truyền đạt hay để sinh viên có thể tiếp thu tốt bài giảng” và “quan trọng là cách dạy và truyền kiến thức cho sinh viên”. Tuy nhiên, có một số giảng viên (20%) và sinh viên (33,33%) cho là giới tính của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giảng dạy tiếng Anh. Đa số các giảng viên trả lời giới tính của giảng viên có ảnh hưởng đến việc giảng dạy vì “sinh viên nam thích học với giảng viên nữ và ngược lại sinh viên nữ lại thích học với giảng viên nam”. Tương tự, hầu hết các sinh

viên trả lời giới tính của giảng viên có ảnh hưởng đến giảng viên với lý do là “sinh viên nam thích học tiếng Anh với giảng viên nữ và ngược lại” và “giảng viên nữ sẽ quan tâm, chu đáo và hiểu tâm lý sinh viên hơn” (Xem Bảng 2.10 và Phụ lục E, F).

2.3.2.4. Câu hỏi 4: Có phải yếu tố dân tộc của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên không? Ảnh hưởng như thế nào? Xin vui lòng giải thích.

Đa phần giảng viên và sinh viên cho là yếu tố dân tộc của giảng viên không ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh.

Bảng 2.11. Dân tộc ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh

Trả lời	Số GV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ
Có	8	26,67%	7	23,33%
Không	22	73,33%	23	76,67%
Tổng cộng	30	100%	30	100%

Bảng 2.11 cho thấy nhiều giảng viên và sinh viên cho là yếu tố dân tộc của giảng viên không ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh với tỷ lệ trả lời “Không” của giảng viên là 73,33% và sinh viên là 76,67%. Đa số giảng viên không giải thích chỉ một và sinh viên giải thích rằng: “Quan trọng là kỹ năng nghề nghiệp và tâm huyết” hay “Biết cách giảng dạy mới quan trọng”. Tuy nhiên, một vài giảng viên (26,67%) và một số sinh viên (23,33%) cho rằng dân tộc của giảng viên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giảng dạy tiếng Anh với lý do là “dân tộc khác nhau sẽ có quan điểm, ngôn ngữ văn hóa, và cách phát âm khác nhau” nên “ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng” (Xem Phụ lục E và F).

2.3.2.5. Câu hỏi 5: Có phải độ tuổi của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên không? Ảnh hưởng như thế nào? Xin vui lòng giải thích.

Một số giảng viên và sinh viên cho là độ tuổi của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên nhưng đồng thời một số giảng viên và sinh viên cho là độ tuổi của giảng viên không có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên.

Bảng 2.12. Độ tuổi ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh

Trả lời	Số GV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ
Có	17	56.67%	15	50%
Không	13	43.33%	15	50%
Tổng cộng	30	100%	30	100%

Hơn một nửa giảng viên và một nửa sinh viên cho là độ tuổi của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên vì 56,67% giảng viên và 50% sinh viên trả lời “Có” với câu hỏi này. Họ giải thích rằng “độ tuổi có thể ảnh hưởng đến sự đầu tư khi giảng dạy: giảng viên trẻ có nhiều nhiệt huyết và năng nổ trong việc giảng dạy” còn “giảng viên lớn tuổi thì bảo thủ, hạn chế trong việc cập nhật thông tin và phương pháp”, “đa phần giảng viên trẻ sẽ năng động, nhiệt tình, tạo môi trường thoải mái cho sinh viên dễ tiếp thu”. Trái lại, “càng lớn tuổi kinh nghiệm giảng dạy càng nhiều”, “độ tuổi gắn liền với thâm niên giảng dạy giúp giảng viên có nhiều kinh nghiệm đứng lớp”, và “hầu hết giảng viên lớn tuổi thì kiến thức và chạm thực tế càng nhiều, có nhiều kỹ năng xã hội truyền đạt cho sinh viên”. Như vậy, gần một nửa giảng viên (43,33%) và một nửa sinh viên (50%) có ý kiến là độ tuổi của giảng viên có

ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh. Đa số các giảng viên và sinh viên này không nói lý do tại sao (Xem Bảng 2.12 và Phụ lục E, F).

2.3.2.6. Câu hỏi 6: Có phải số năm giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy tiếng Anh của giảng viên không? Ảnh hưởng như thế nào? Xin vui lòng giải thích.

Hầu hết cả hai nhóm giảng viên và sinh viên đều cho rằng số năm giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giảng dạy.

Bảng 2.13. Số năm giảng dạy ảnh hưởng đến việc dạy tiếng Anh

Trả lời	Số GV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ
Có	19	63.33%	19	63.33%
Không	11	36.67%	11	36.67%
Tổng cộng	30	100%	30	100%

Rõ ràng rằng cả hai nhóm giảng viên và sinh viên đều cho rằng số năm giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giảng dạy vì cả giảng viên và sinh viên trả lời “Có” với tỷ lệ như nhau là 63,33%. Hầu hết giảng viên và sinh viên giải thích rằng “Giảng viên lâu năm tích lũy nhiều kinh nghiệm về kiến thức và phương pháp giảng dạy”, hay “Số năm giảng dạy càng cao thì kinh nghiệm giảng dạy càng nhiều nên hiệu quả càng cao”, hoặc là “Giảng viên dạy nhiều năm có nhiều kinh nghiệm trong việc nắm bắt tâm lý của sinh viên giúp sinh viên thích thú trong việc học tập” và “xử lý tình huống phát sinh trong lớp học”. Ngoài ra, “Số năm giảng dạy tỉ lệ thuận với kinh nghiệm nhưng cũng khó thay đổi, thích nghi với cái mới” và “Giảng viên có kinh nghiệm tự tin hơn nhưng đôi lúc thiếu đầu tư hơn giảng viên trẻ”. Trái lại 36,67% giảng viên và 36,67 % sinh viên cho là số năm giảng dạy của giảng viên không

ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy của giảng viên và đa số họ không giải thích lý do. (Bảng 2.13 và Phụ Lục E, F).

❖ **Tiểu kết chương 2:**

Sau khi thống kê các phiếu khảo sát của 30 giảng viên và hơn 600 sinh viên, đa số các yếu tố trong bảng hỏi đều được giảng viên và sinh viên cho mức quan trọng khá cao bên cạnh một số yếu tố được đánh giá thấp. Và lại, sau khi thống kê các phiếu phỏng vấn của 30 giảng viên và 30 sinh viên hầu như chưa tìm ra được thêm yếu tố nào thật quan trọng nữa ngoài các yếu tố trong bảng hỏi, đồng thời biết rằng kỹ năng nghề nghiệp là thành phần quan trọng nhất trong phẩm chất của giảng viên. Qua đây ta cũng biết được đa số giảng viên và sinh viên cho là giới tính và dân tộc không ảnh hưởng đến hiệu quả việc giảng dạy của giảng viên. Vì thế, với thực trạng giảng viên giảng dạy cho Bộ môn Ngoại Ngữ gồm nữ nhiều hơn nam và đủ các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer thì vấn đề giới tính và dân tộc của giảng viên giảng dạy cho Bộ môn (gồm giảng viên của Bộ môn, Trung tâm Victory, và giảng viên thỉnh giảng) có ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy không phải là vấn đề lớn. Tuy nhiên, đa số giảng viên và sinh viên có ý kiến là độ tuổi và số năm giảng dạy có ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy. Đây chính là điều đáng quan tâm vì đa số giảng viên giảng dạy cho Bộ môn ở độ tuổi còn trẻ và ít có thâm niên. Vì vậy đòi hỏi giảng viên phát huy thế mạnh của mình như nhiệt tình, năng nổ, sáng tạo và chịu khó đầu tư, v.v... song song với việc cố gắng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tích lũy nhiều kinh nghiệm, tự tin, xử lý tình huống khéo léo để việc dạy học hiệu quả hơn.

Chương 3: XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

3.1. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá

3.1.1. Mục đích nghiên cứu

Xem xét lại kết quả nghiên cứu quan điểm của giảng viên và sinh viên về tiêu chuẩn phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học để xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá.

3.1.2. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu

Các số liệu và kết quả được thu thập qua phiếu khảo sát và phỏng vấn của giảng viên và sinh viên được xem xét và kiểm chứng độ tin cậy của thang đo qua hệ số Cronbach alpha và so sánh giá trị trung bình hai tổng thể qua kiểm định Mann-Whitney để xây dựng thành bộ tiêu chuẩn để đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học.

3.1.3. Kết quả nghiên cứu

3.1.3.1. Đánh giá thang đo

Hệ số Cronbach alpha được sử dụng để tiến hành kiểm tra độ tin cậy của các mục hỏi trong bảng câu hỏi.

Hoàng và Chu (2005, tr. 258) đã tổng hợp đề nghị của các nhà nghiên cứu rằng “Cronbach alpha từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng được trong trường hợp khái niệm đang nghiên cứu là mới hoặc mới đối với người trả lời trong bối cảnh nghiên cứu (Nunnally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995).”

Bảng 3.1. Hệ số Cronbach alpha của các thành phần

Thành phần	Cronbach Alpha	Số biến
Kiến thức	0,747	8
Kỹ năng nghề nghiệp	0,907	29
Ứng xử trong quan hệ xã hội	0,853	12
Phẩm chất cá nhân	0,868	14

Qua kết quả tính hệ số Cronbach Alpha của 4 thành phần thang đo phẩm chất của giảng viên giảng dạy tiếng Anh giỏi đều có độ tin cậy lớn hơn 0,6. Như vậy, thang đo có ý nghĩa trong thống kê và đạt hệ số tin cậy cần thiết. Cụ thể: (1) Thành phần *Kiến thức* có Cronbach Alpha đạt giá trị 0,747; (2) Thành phần *Kỹ năng nghề nghiệp* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,907; (3) Thành phần *Ứng xử trong quan hệ xã hội* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,853; và (4) Thành phần *Phẩm chất cá nhân* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,868 (Bảng 3.4). Vì vậy, 4 thành phần của tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên giỏi tiếng Anh đủ điều kiện để tồn tại trong thang đo. Trong đó, thành phần *Kỹ năng nghề nghiệp* có Cronbach alpha đạt giá trị cao nhất (0,907) nên trùng khớp với ý kiến của giảng viên và sinh viên cho là *Kỹ năng nghề nghiệp* là yếu tố quan trọng nhất (Bảng 2.9).

3.1.3.2. Thực hiện kiểm định Mann-Whitney

- **Giả thuyết H1:** Ý kiến về mức độ quan trọng của *Kiến thức* đối với giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học giữa hai nhóm giảng viên và sinh viên là như nhau.

Bảng 3.2. Kiểm định Mann-Whitney về Kiến thức

	Nhóm	Số lượng	Hạng Trung bình (Mean Rank)	Tổng số các hạng (Sum of Ranks)
Kiến thức	SV	599	311.04	186315.00
	GV	29	385.90	11191.00
	Tổng số	628		

	Kiến thức
Mann-Whitney U	6615.000
Wilcoxon W	186315.000
Z	-2.170
Asymp. Sig. (2-tailed)	.030

Dựa vào kiểm định Mann-Whitney, giá trị sig. = 0,030 < 0,1 nên bác bỏ H1 với mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$. Cụ thể là giảng viên cho rằng *Kiến thức* có mức quan trọng cao hơn so với sinh viên (dựa vào giá trị mean rank) (Bảng 3.2).

- **Giả thuyết H2:** Ý kiến về mức độ quan trọng của *Kỹ năng nghề nghiệp* đối với giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học giữa hai nhóm giảng viên và sinh viên là như nhau.

Bảng 3.3. Kiểm định Mann-Whitney về Kỹ năng nghề nghiệp

	Nhóm	Số lượng	Hạng trung bình (Mean Rank)	Tổng số các hạng (Sum of Ranks)
Kỹ năng nghề nghiệp	SV	577	300.89	173616.00
	GV	30	363.73	10912.00
	Tổng cộng	607		

	Kỹ năng nghề nghiệp
Mann-Whitney U	6863.000
Wilcoxon W	173616.000
Z	-1.913
Asymp. Sig. (2-tailed)	.056

Bảng 3.3 cho thấy dựa vào kiểm định Mann-Whitney, giá trị sig. = 0,056 < 0,1 nên bác bỏ H2 với mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$. Cụ thể là *Kỹ năng nghề nghiệp* đối với giảng viên có mức quan trọng cao hơn so với sinh viên (dựa vào giá trị mean rank) (Bảng 3.3).

- **Giả thuyết H3:** Ý kiến về mức độ quan trọng của *Ứng xử trong quan hệ xã hội* đối với giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học giữa hai nhóm giảng viên và sinh viên là như nhau.

Bảng 3.4. Kiểm định Mann-Whitney về Ứng xử trong quan hệ xã hội

	Nhóm	Số lượng	Hạng Trung bình (Mean Rank)	Tổng số các hạng (Sum of Ranks)
Ứng xử	SV	595	310.30	184629.50
	GV	29	357.60	10370.50
	Total	624		

	Ứng xử
Mann-Whitney U	7319.500
Wilcoxon W	184629.500
Z	-1.380
Asymp. Sig. (2-tailed)	.168

Dựa vào kiểm định Mann-Whitney, giá trị sig. = 0,168 > 0,1 nên chấp nhận H3 với mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$. Có nghĩa là giảng viên và sinh viên có cùng ý kiến về mức độ quan trọng của *Ứng xử trong quan hệ xã hội* đối với giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học (Bảng 3.4).

- **Giả thuyết H4:** Ý kiến về mức độ quan trọng của *Phẩm chất cá nhân* đối với giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học giữa hai nhóm giảng viên và sinh viên là như nhau.

Bảng 3.5. Kiểm định Mann-Whitney về Phẩm chất cá nhân

	Nhóm	Số lượng	Hạng Trung bình (Mean Rank)	Tổng số các hạng (Sum of Ranks)
Phẩm chất	SV	598	312.79	187045.50
	GV	29	339.05	9832.50
	Tổng cộng	627		

	Phẩm chất
Mann-Whitney U	7944.500
Wilcoxon W	187045.500
Z	-.763
Asymp. Sig. (2-tailed)	.446

Từ bảng 3.5, ta thấy dựa vào kiểm định Mann-Whitney, giá trị sig. = 0,446 > 0,1 nên chấp nhận H4 với mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$. Có nghĩa là giảng viên và sinh viên có cùng ý kiến về mức độ quan trọng của *Phẩm chất cá nhân* đối với giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học.

Tóm lại, kiểm định Mann Whitney cho thấy giảng viên có nhận thức về mức độ quan trọng của *Kiến thức và Kỹ năng nghề nghiệp* cao hơn sinh viên. Trong khi đó, cả

giảng viên và sinh viên đánh giá giống nhau về mức độ quan trọng của *Ứng xử quan hệ xã hội* và *Phẩm chất cá nhân*.

3.1.3.3. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá

Sau khi thu thập và thống kê mô tả ý kiến của giảng viên và sinh viên bên cạnh việc kiểm chứng số liệu, bốn thành phần *Kiến thức*, *Kỹ năng nghề nghiệp*, *Ứng xử trong quan hệ xã hội* và *Phẩm chất cá nhân* của phẩm chất giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học được đánh giá là quan trọng và có độ tin cậy. Vì thế, Bộ tiêu chuẩn đánh giá được xây dựng trên cơ sở bảng câu hỏi của giảng viên và sinh viên gồm bốn thành phần: *Kiến thức*, *Kỹ năng nghề nghiệp*, *Ứng xử trong quan hệ xã hội* và *Phẩm chất cá nhân* nhưng lược đi các tiêu chuẩn giảng viên và sinh viên cho là không quan trọng lắm với trị trung bình thấp (Bảng 2.7). Đó là *Viết chữ đẹp*, *Bám sát sách giáo khoa*, *Có năng khiếu khác*, *Sử dụng hoàn toàn bằng tiếng Anh để giảng bài*, *Nhớ tên sinh viên*, *Sử dụng giáo án*, *Thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học*, *Có kiến thức rộng về văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, ...*, *Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ trong lớp học*, *Quản lý lớp học và thời gian trên lớp hiệu quả*, và *Bám sát chương trình*. Đáng chú ý là 3 tiêu chuẩn *Sử dụng giáo án*, *Thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học*, và *Bám sát chương trình* được xem như là việc giảng viên phải thực hiện nhưng cả giảng viên đều đánh giá dưới mức quan trọng. Vì thế, một số giảng viên cho là các yếu tố này không quan trọng được phỏng vấn lại để tìm hiểu nguyên nhân thì họ cho rằng vì họ đang dạy ở bậc Cao đẳng và Đại học nên không bị bắt buộc phải dạy theo khuôn khổ trong giáo án. Do đó, họ có thể sử dụng linh hoạt giáo án hay những thứ chuẩn bị khác mà họ thấy giảng dạy cho sinh viên có hiệu quả. Đối với tiêu chuẩn *Thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học*, giảng viên cho rằng chỉ nên thực hiện đúng đề cương môn học hoặc thực hiện linh hoạt đề cương chi tiết môn học thay vì phải thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học. Còn việc bám sát chương trình được xem như là giảng viên bị bắt buộc phải theo nên họ xem đó là yếu tố hiển nhiên giảng viên nào cũng phải thực hiện chứ không phải giảng viên giỏi mới bám sát chương trình.

Như vậy, từ 63 tiêu chuẩn ban đầu được lược bỏ đi 11 tiêu chuẩn còn 52 tiêu chuẩn. Từ 52 tiêu chuẩn này nhóm nghiên cứu đã xây dựng lại và nhờ ý kiến đóng góp của một số giảng viên nên các tiêu chuẩn đó đã được cụ thể hóa hay tách các tiêu chuẩn kép ra thành hai hay nhiều tiêu chuẩn nhỏ hơn để dễ dàng đánh giá cũng như một số câu từ được chỉnh sửa để tiêu chuẩn rõ ràng hơn. Chẳng hạn như tiêu chuẩn *Nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh giỏi* được chia thành 4 tiêu chuẩn *Kỹ năng nghe tiếng Anh*, *Kỹ năng nói tiếng Anh*, *Kỹ năng đọc tiếng Anh*, và *Kỹ năng viết tiếng Anh*. Cũng như tiêu chuẩn *Có kiến thức về phương pháp giảng dạy và tâm lý giáo dục* được đổi thành 2 tiêu chuẩn *Kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh* và *Kiến thức về tâm lý giáo dục*. Tiêu chuẩn *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên* được phân thành 2 tiêu chuẩn *Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên chuyên Anh* và *Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên không chuyên Anh*. Thêm vào đó, tiêu chuẩn *Giúp sinh viên phát triển tất cả các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết)* được tách thành 4 tiêu chuẩn *Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh*, *Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói tiếng Anh*, *Giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh*, và *Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết tiếng Anh*. Hơn nữa, tiêu chuẩn *Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh (cả trong lớp và ngoài lớp)* được cụ thể thành 2 tiêu chuẩn *Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh trong lớp* và *Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh ngoài lớp*. Cuối cùng, tiêu chuẩn *Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết* cũng được chia thành 2 tiêu chuẩn *Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh chuyên* và *Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh không chuyên*.

Vì thế, bộ tiêu chuẩn vừa xây lại gồm có 62 tiêu chuẩn để giảng viên dạy ở bậc Cao đẳng và Đại học tự đánh giá mình và sinh viên Cao đẳng hay Đại học có thể đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh của mình sau khi kết thúc môn học. Bộ tiêu chuẩn được tóm tắt như Bảng 3.6 sau đây:

Bảng 3.6. Bộ tiêu chuẩn đánh giá giảng viên (Dùng để thực nghiệm)

Thầy (Cô) có những yếu tố sau đây ở mức độ nào?

(Mỗi yếu tố chỉ đánh dấu (✓) vào một ô duy nhất)

		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
	I. Kiến thức chuyên môn					
1	Kỹ năng nghe tiếng Anh					
2	Kỹ năng nói tiếng Anh					
3	Kỹ năng đọc tiếng Anh					
4	Kỹ năng viết tiếng Anh					
5	Phát âm tiếng Anh					
6	Kiến thức ngữ pháp tiếng Anh					
7	Vốn từ vựng tiếng Anh					
8	Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh					
9	Kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh					
10	Kiến thức về tâm lý giáo dục					
11	Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên chuyên Anh					
12	Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên không chuyên Anh					
		Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn luôn
	II. Kỹ năng nghề nghiệp					
13	Chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp					
14	Chuẩn bị bài giảng chu đáo					
15	Hướng sinh viên theo cách tự học và tự nghiên cứu					
16	Sử dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy linh hoạt, sáng tạo					
17	Sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy và học (TV, cassette, máy chiếu, máy vi tính,...)					
18	Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu					
19	Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác					
20	Cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng sinh viên					

21	Cung cấp kiến thức thực tiễn hoặc liên hệ bài giảng với thực tế					
22	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh					
23	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói tiếng Anh					
24	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh					
25	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết tiếng Anh					
26	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh trong lớp					
27	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh ngoài lớp					
28	Tạo bầu không khí sôi động cho sinh viên học tập như tổ chức nhiều trò chơi hay hoạt động trong lớp để sinh viên thực hành ngôn ngữ					
29	Tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm có hiệu quả					
30	Giúp sinh viên có tinh thần trách nhiệm trong học tập					
31	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh chuyên					
32	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh không chuyên					
33	Cho sinh viên bài tập về nhà và có hướng dẫn cụ thể cách làm để áp dụng kiến thức vừa học					
34	Sửa bài tập về nhà và trả bài làm cho sinh viên					
35	Giúp sinh viên sửa lỗi có hiệu quả					
36	Biết cách giúp sinh viên tham khảo tài liệu bổ sung.					
37	Ra đề kiểm tra phải dựa trên những gì sinh viên đã được dạy và được học					
38	Đánh giá chính xác, khách quan năng lực sinh viên					
39	Đánh giá sinh viên bằng nhiều cách khác nhau					
III. Ứng xử trong quan hệ xã hội						
40	Hướng dẫn và khuyến khích sinh viên cách tự học và khám phá					
41	Kiểm tra mức độ hiểu bài của sinh viên để có phản hồi và điều chỉnh thích hợp					
42	Duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong kiểm tra, thi cử					
43	Tạo động cơ học tập tốt cho sinh viên					

44	Tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của sinh viên và quan tâm giúp đỡ sinh viên trong học tập					
45	Đối xử công bằng với mọi sinh viên					
46	Tôn trọng sinh viên					
47	Biết lắng nghe ý kiến của sinh viên					
48	Khuyến khích, khen ngợi sinh viên đúng lúc.					
49	Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp					
		Không có ý kiến	Có ít	Tương đối	Có	Có nhiều
IV. Phẩm chất cá nhân						
50	Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự					
51	Kiên nhẫn					
52	Tận tụy với công việc giảng dạy					
53	Có óc hài hước					
54	Yêu nghề					
55	Nói năng nhã nhặn, lịch sự					
56	Thân thiện, cởi mở					
57	Là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo					
58	Không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, phát triển chuyên môn nghề nghiệp					
59	Xử sự khéo léo với sinh viên					
60	Có tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy					
61	Có giọng nói rõ ràng, dễ nghe					
62	Có sức khỏe					

3.2. Thực nghiệm để kiểm chứng

3.2.1. Mục đích nghiên cứu

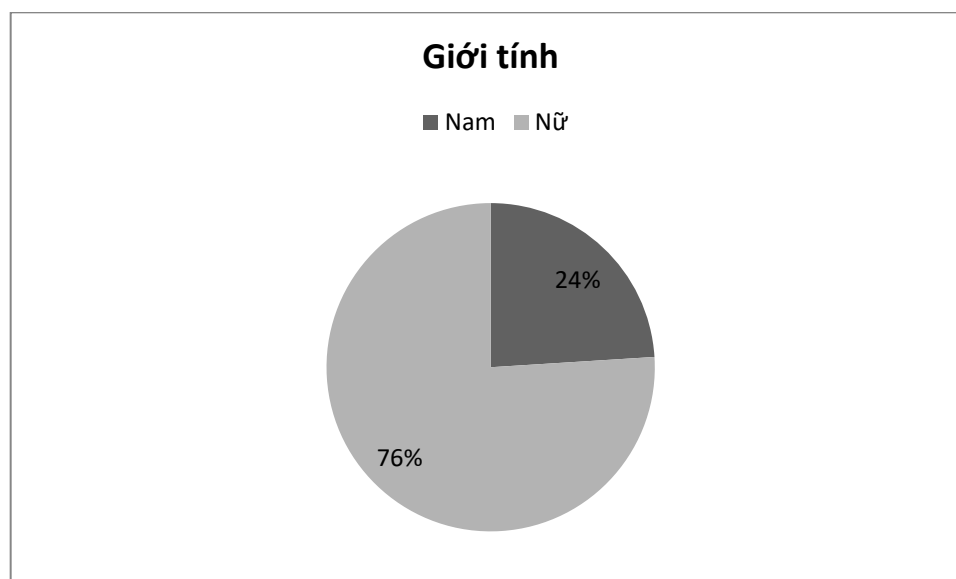
Phần nghiên cứu thực nghiệm này được thực hiện để kiểm chứng bộ tiêu chuẩn vừa xây qua việc sử dụng bộ tiêu chuẩn này để cho giảng viên tự đánh giá và sinh viên đánh giá giảng viên.

3.2.2. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu

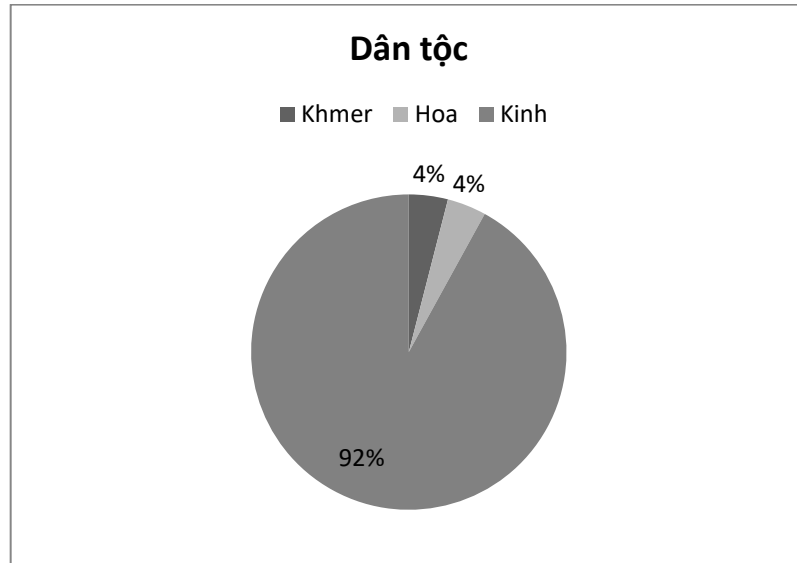
3.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Giảng viên:

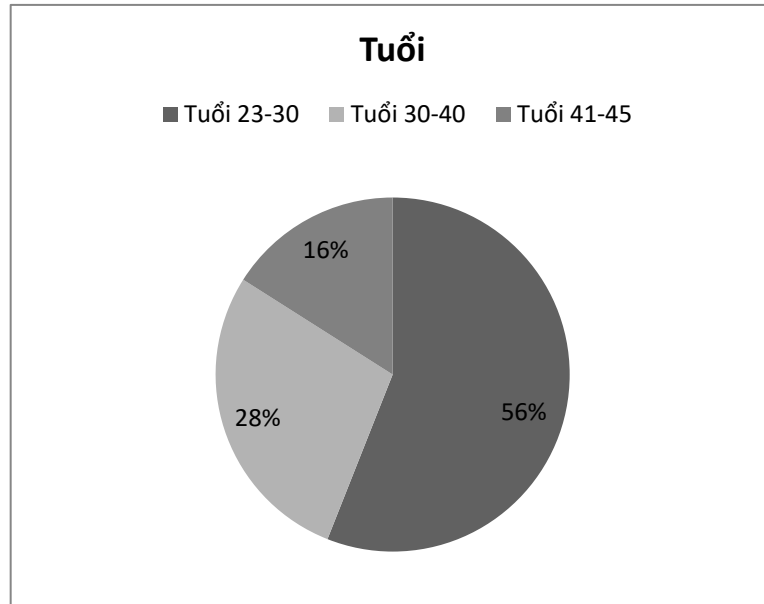
Biểu đồ 3.1. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo giới tính



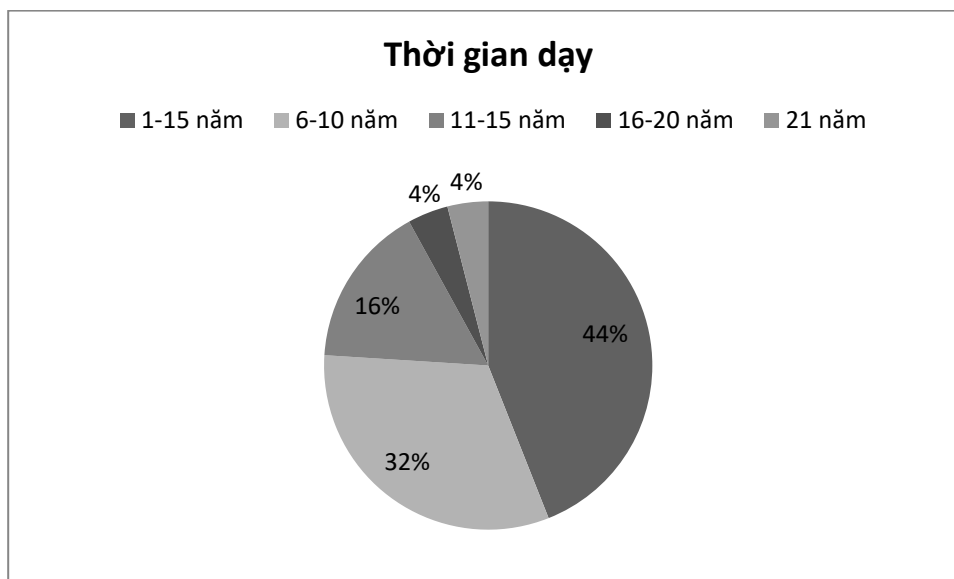
Biểu đồ 3.2. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo dân tộc



Biểu đồ 3.3. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo tuổi



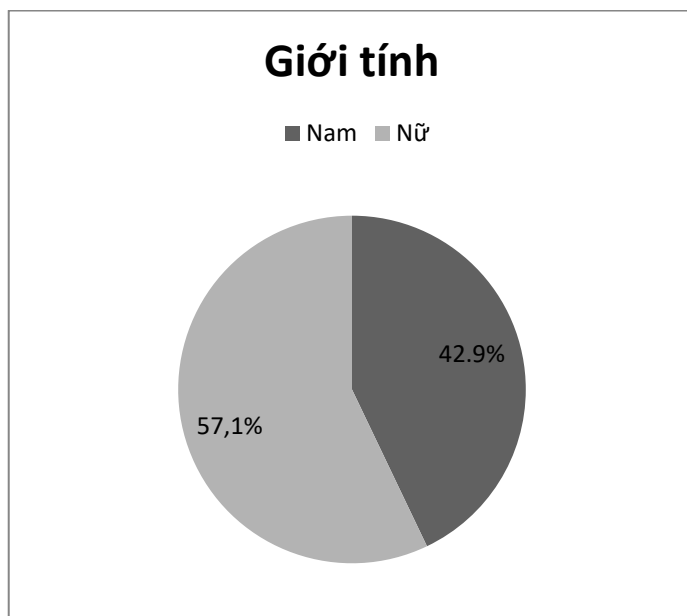
Biểu đồ 3.4. Mô tả đối tượng giảng viên tự đánh giá theo thời gian dạy



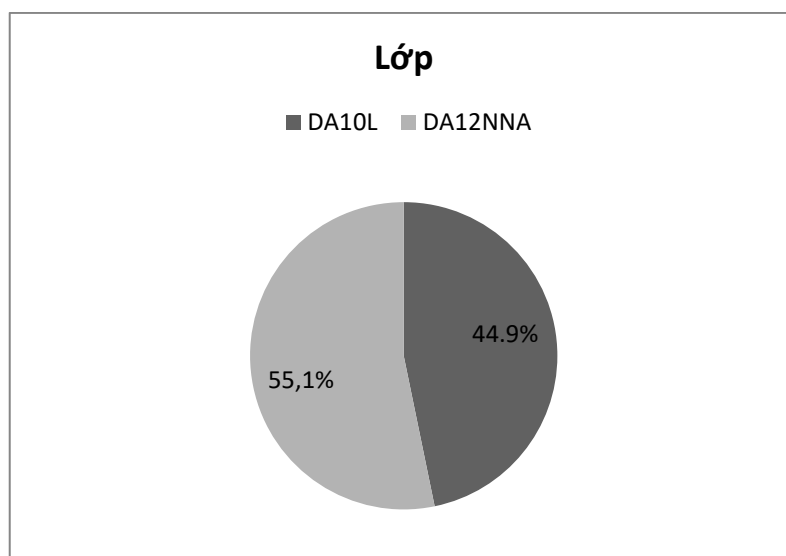
Qua các biểu đồ mô tả trên, rõ ràng số lượng giảng viên nữ tự đánh giá là 19 (76%) và giảng viên nam tự đánh giá là 6 (24%). Trong đó có 23 giảng viên người Kinh (92%), 1 giảng viên dân tộc Khmer (4%), và 1 giảng viên dân tộc Hoa (4%). Đa số giảng viên trẻ ở độ tuổi dưới 30 là 14 (56%), trên 30 đến 40 là 7 (28%), và trên 40 là 4 (16%). Số lượng giảng viên có thời gian giảng dạy dưới 5 năm là 11 (44%), trên 5 năm nhưng dưới 10 năm là 8 (32%), từ 10 đến 15 năm là 4 (16%), từ 15 đến 20 năm là 1 (4%), và trên 20 năm là 1 (4%).

- Sinh viên:

Biểu đồ 3.5. Mô tả đối tượng sinh viên đánh giá giảng viên theo giới tính



Biểu đồ 3.6. Mô tả đối tượng sinh viên đánh giá giảng viên theo lớp



Đối tượng sinh viên tham gia vào đánh giá giảng viên là 49 gồm 28 nữ (57,1%) và 21 nam (42,9%). Các sinh viên này thuộc 1 lớp học chuyên Anh văn - Đại học Ngôn Ngữ Anh A 2012 có 27 sinh viên và 1 lớp học Anh văn không chuyên - Đại học Luật 2010 có 22 sinh viên.

3.2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thực nghiệm

Trong phương pháp này bảng bộ tiêu chuẩn vừa xây được sử dụng để giảng viên tự đánh giá và sinh viên đánh giá giảng viên.

Bảng tự đánh giá của giảng viên và Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành sinh viên – Thực nghiệm):

Bảng tự đánh giá của giảng viên và Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên – Thực nghiệm) được dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá mới vừa xây. Phần *Kiến thức chuyên môn* được đánh giá theo thang đo Likert, 5 mức độ: **1. Kém; 2. Yếu; 3. Trung bình; 4. Khá; 5. Giỏi.** Phần *Kỹ năng nghề nghiệp và Ứng xử trong quan hệ xã hội* cũng được đánh giá theo thang đo Likert, 5 mức độ: **1. Không bao giờ; 2. Ít khi; 3. thỉnh thoảng; 4. Thường xuyên; và 5. Luôn luôn.** Phần *Phẩm chất cá nhân* cũng được đánh giá theo thang đo Likert, 5 mức độ: **1. Không có ý kiến; 2. Có ít; 3. Tương đối; 4. Có; 5. Có nhiều.**

Bảng 3.7. Cấu trúc Bảng tự đánh giá của giảng viên

STT	Khái niệm	Số biến quan sát	Thang đo
Phần A: Thông tin cá nhân			
1	Giới tính	1	Định danh

2	Dân tộc	1	Định danh
3	Năm sinh	1	Định danh
5	Thời gian dạy tiếng Anh	1	Định danh
Phần B: Đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố			
1	Kiến thức chuyên môn	12	Likert 5 mức độ
2	Kỹ năng nghề nghiệp	27	Likert 5 mức độ
3	Ứng xử trong quan hệ xã hội	10	Likert 5 mức độ
4	Phẩm chất cá nhân	13	Likert 5 mức độ

(Xem Phụ lục G)

Bảng 3.8. Cấu trúc Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên – Thực nghiệm)

STT	Khái niệm	Số biến quan sát	Thang đo
Phần A: Thông tin cá nhân			
1	Giới tính	1	Định danh
2	Lớp	1	Định danh
Phần B: Đánh giá mức độ quan trọng của các biến quan sát			
1	Kiến thức chuyên môn	12	Likert 5 mức độ
2	Kỹ năng nghề nghiệp	27	Likert 5 mức độ
3	Ứng xử trong quan hệ xã hội	10	Likert 5 mức độ
4	Phẩm chất cá nhân	13	Likert 5 mức độ

(Xem Phụ lục H)

- **Quá trình thu thập số liệu**

Bảng tự đánh giá của giảng viên:

Bảng tự đánh giá của giảng viên được gửi email cho 32 giảng viên cơ hữu của Bộ môn Ngoại Ngữ và giảng viên thỉnh giảng từ các bộ phận khác như Trung tâm Victory và các bộ phận khác trong trường. Sau khi đánh dấu vào *Bảng tự đánh giá* các giảng viên gửi lại qua email nhưng chỉ thu được 25 bảng từ 25 giảng viên.

Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên – Thực nghiệm):

Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh được phát cho 49 sinh viên thuộc 1 lớp chuyên Anh văn (Đại học Ngôn Ngữ Anh A khóa 2012) và 1 lớp không chuyên Anh văn (Đại học Luật khóa 2010). Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh lần lượt được phát cho các sinh viên của mỗi lớp này và được hướng dẫn cẩn thận để đánh dấu vào ô mà họ cho là yếu tố đó thầy hay cô của họ đạt ở mức nào. Sinh viên mất khoảng 15 phút để hoàn thành phiếu khảo sát tại lớp và phiếu khảo sát được thu lại ngay sau khi hoàn tất.

3.2.3. Kết quả nghiên cứu

3.2.3.1. Đánh giá thang đo

Hệ số Cronbach alpha được sử dụng để tiến hành kiểm tra độ tin cậy của các tiêu chuẩn trong *Bảng tự đánh giá của giảng viên* và *Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh* của sinh viên.

“Nhiều nhà nghiên cứu đồng ý rằng khi Cronbach alpha từ 0,8 trở lên đến gần 1 thì thang đo lường là tốt” (Hoàng và Chu, 2005, tr. 257).

Bảng 3.9. Hệ số Cronbach alpha của các thành phần

Thành phần	Cronbach Alpha	Số biến
Kiến thức chuyên môn	0,950	12
Kỹ năng nghề nghiệp	0,944	27
Ứng xử quan hệ xã hội	0,863	10
Phẩm chất cá nhân	0,897	13

Kết quả tính hệ số Cronbach alpha cho thấy 4 thành phần thang đo phẩm chất của giảng viên giảng dạy tiếng Anh giỏi đều có độ tin cậy lớn hơn 0,8. Như vậy, thang đo có ý nghĩa trong thống kê và đạt hệ số tin cậy cần thiết. Cụ thể: (1) Thành phần *Kiến thức chuyên môn* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,950; (2) Thành phần *Kỹ năng nghề nghiệp* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,944; (3) Thành phần *Ứng xử trong quan hệ xã hội* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,863; và (4) Thành phần *Phẩm chất cá nhân* có Cronbach alpha đạt giá trị 0,897 (Bảng 4.3). Vì thế, thang đo lường tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên giỏi tiếng Anh là tốt. Trong đó, thành phần *Kiến thức* có Cronbach alpha đạt giá trị cao nhất (0,950).

3.2.3.2. Thống kê mô tả kết quả đánh giá

Mặc dù sinh viên đánh giá giảng viên ở mức cao hơn giảng viên tự đánh giá mình vì có trị trung bình của từng tiêu chuẩn cao hơn nhưng cả hai nhóm vẫn có điểm chung là cùng đánh giá cao hay thấp một số tiêu chuẩn. Đối với các tiêu chuẩn có sự chênh lệch nhiều giữa giảng viên và sinh viên thì ý kiến của sinh viên được ưu tiên vì ý kiến của sinh viên là số đông (49 sinh viên đánh giá 2 giảng viên) trong khi so sánh ở đây có 2 giảng viên mà được sinh viên đánh giá tự đánh giá mình. Hơn nữa, ý kiến sinh viên là khách quan và lấy người học làm trung tâm nên sẽ thiên về ý kiến của sinh viên nếu như có sự chênh lệch nhiều giữa 2 ý kiến sinh viên và giảng viên.

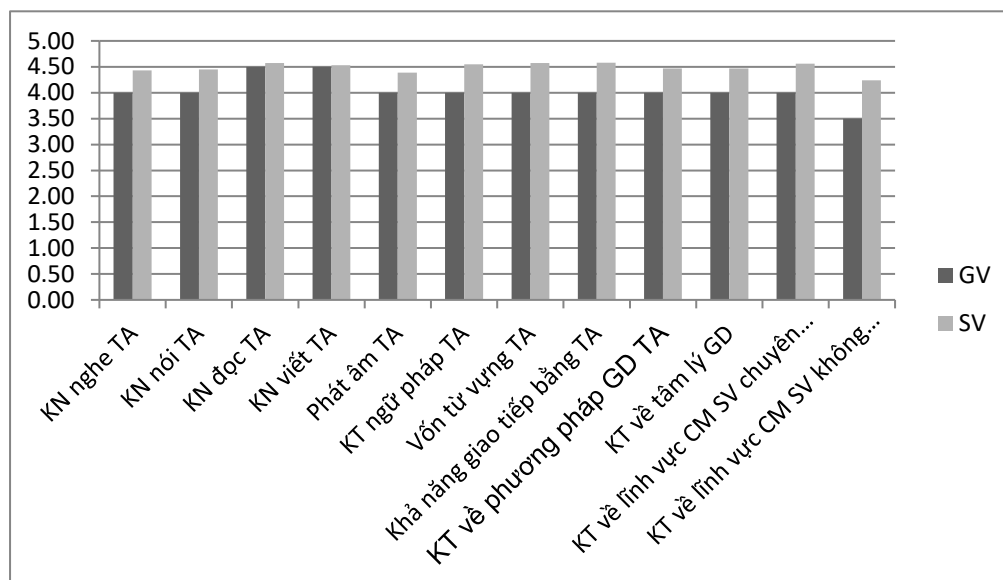
3.2.3.2.1. Nhân tố Kiến thức chuyên môn

Bảng 3.10 và Biểu đồ 3.7 cho thấy trong số các tiêu chuẩn của Kiến thức chuyên môn thì *Khả năng giao tiếng Anh* được sinh viên đánh giá cao nhất là M: 4,58 và giảng viên cũng tự đánh giá mình là M: 4,58. Tiêu chuẩn cao thứ nhì là *Kỹ năng đọc tiếng Anh*: sinh viên có M: 4,57 và giảng viên có M: 4,50. Trong khi đó, *Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên không chuyên Anh* được đánh giá thấp nhất: giảng viên (M: 3,50) và sinh viên (M: 4,24). Kế đến là *Kỹ năng nghe tiếng Anh*: giảng viên (M: 4,00) và sinh viên (M: 4,43).

Bảng 3.10. Đánh giá về nhân tố Kiến thức chuyên môn

Kiến thức chuyên môn	Mean-GV	Mean-SV
KN nghe TA	4,00	4,43
KN nói TA	4,00	4,45
<i>KN đọc TA</i>	4,50	4,57
KN viết TA	4,50	4,53
Phát âm TA	4,00	4,39
KT ngữ pháp TA	4,00	4,55
Vốn từ vựng TA	4,00	4,57
<i>Khả năng giao tiếp bằng TA</i>	4,00	4,58
KT về phương pháp GD TA	4,00	4,47
KT về tâm lý giáo dục	4,00	4,47
KT về lĩnh vực CM SV chuyên Anh	4,00	4,56
KT về lĩnh vực CM SV không chuyên Anh	3,50	4,24

Biểu đồ 3.7. Đánh giá về nhân tố Kiến thức chuyên môn



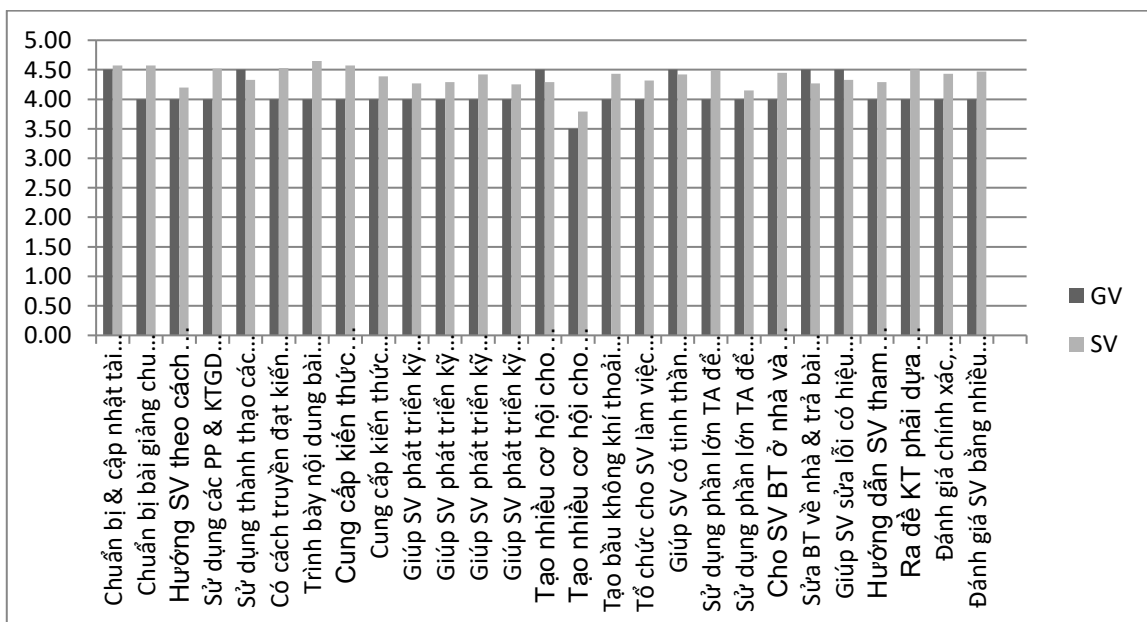
3.2.3.2.2. Nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp

Bảng 3.11. Đánh giá giảng viên về nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng nghề nghiệp	Mean-GV	Mean-SV
<i>Chuẩn bị & cập nhật tài liệu GD thích hợp</i>	4,50	4,57
<i>Chuẩn bị bài giảng chu đáo</i>	4,00	4,57
Hướng SV theo cách tự học và tự nghiên cứu	4,00	4,20
Sử dụng các PP & KTGD linh hoạt, sáng tạo	4,00	4,52
Sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy & học	4,50	4,33
Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu	4,00	4,53
Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác	4,00	4,65
Cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng SV	4,00	4,57
Cung cấp kiến thức thực tiễn hoặc liên hệ thực tế	4,00	4,39
Giúp SV phát triển kỹ năng nghe TA	4,00	4,27
Giúp SV phát triển kỹ năng nói TA	4,00	4,29

Giúp SV phát triển kỹ năng đọc TA	4,00	4,42
Giúp SV phát triển kỹ năng viết TA	4,00	4,25
Tạo nhiều cơ hội cho SV nói TA trong lớp	4,50	4,29
Tạo nhiều cơ hội cho SV nói TA ngoài lớp	3,50	3,79
Tạo bầu không khí thoải mái cho SV học tập	4,00	4,43
Tổ chức cho SV làm việc nhóm hiệu quả	4,00	4,32
Giúp SV có tinh thần trách nhiệm trong học tập	4,50	4,42
Sử dụng phần lớn TA để giảng bài & chỉ sử dụng TV khi cần trong lớp TA chuyên	4,00	4,48
Sử dụng phần lớn TA để GB & chỉ SD TV khi cần trong lớp TA không chuyên	4,00	4,15
Cho SV BT ở nhà và có hướng dẫn để áp dụng KT vừa học	4,00	4,45
Sửa BT về nhà & trả bài làm cho SV	4,50	4,27
Giúp SV sửa lỗi có hiệu quả	4,50	4,33
Hướng dẫn SV tham khảo TL bổ sung	4,00	4,29
Ra đề KT phải dựa trên những gì SV đã được dạy & học	4,00	4,51
Đánh giá chính xác, khách quan năng lực SV	4,00	4,43
Đánh giá SV bằng nhiều cách khác nhau	4,00	4,47

Biểu đồ 3.8. Đánh giá giảng viên về nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp



Qua bảng 3.11 và biểu đồ 3.8, ta thấy *Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác* sinh viên đánh giá giảng viên cao nhất trong nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp với M: 4,65 và giảng viên cũng tự đánh giá cao trong nhân tố Kỹ năng nghề nghiệp với M: 4,00. Theo sau là hai tiêu chuẩn *Chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp* và *Chuẩn bị bài giảng chu đáo sinh viên* được đánh giá cao như nhau. Cả hai tiêu chuẩn này được sinh viên đánh giá đều có trị trung bình là M: 4,57. Còn giảng viên tự đánh giá hai tiêu chuẩn đó lần lượt là M: 4,50 và 4,00. Trái lại, tiêu chuẩn mà cả hai nhóm giảng viên và sinh viên đánh giá thấp nhất là *Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh ngoài lớp* có trị trung bình M: 3,5 là của giảng viên và M: 3,79 là của sinh viên. Kế đến là các tiêu chuẩn được sinh viên đánh giá thấp vì có trị trung bình thấp như sau: *Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt khi cần trong lớp tiếng Anh không chuyên* (giảng viên có M: 4,00; sinh viên có M: 4,15), *Hướng dẫn sinh viên tham khảo tài liệu bổ sung* (giảng viên có M: 4,00; sinh viên có M: 4,29), *Sửa bài tập ở nhà và trả bài làm cho sinh viên* (giảng viên có M: 4,50; sinh viên có M: 4,27), *Hướng sinh viên theo cách tự học và tự nghiên cứu* (giảng viên có M: 4,00; sinh viên có M: 4,20), và *Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe* (giảng viên có M: 4,00; sinh viên có M: 4,27). Trong đó, yếu tố *Sửa bài tập ở nhà và trả bài làm cho sinh viên* thì giảng viên tự đánh giá cao (M: 4,50) có lẽ là do chủ quan, trái lại sinh viên đánh giá thấp hơn (M: 4,27) nên ý kiến sinh viên là quyết định.

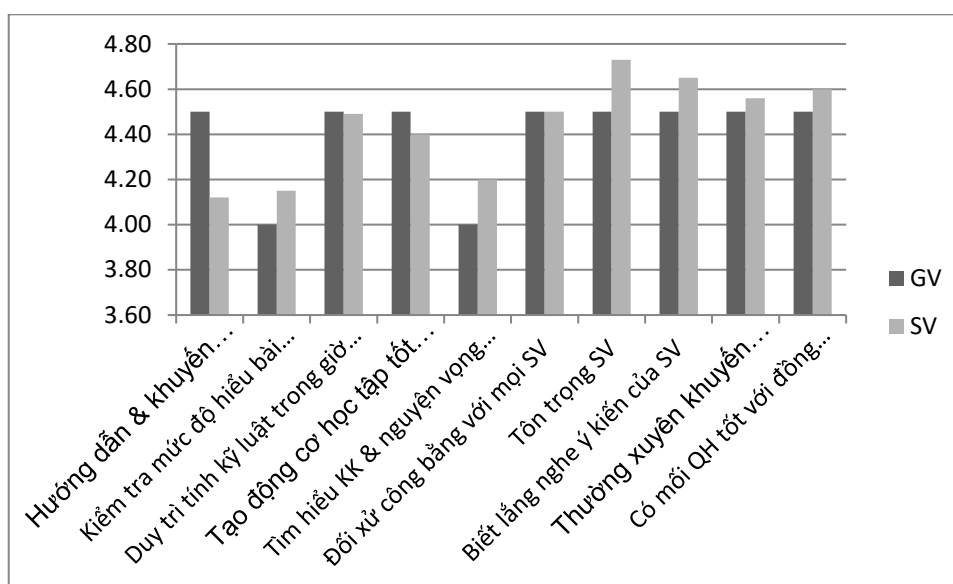
3.2.3.2.3. Nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội

Bảng 3.12. Đánh giá giảng viên về nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội

Ứng xử trong quan hệ xã hội	Mean-GV	Mean-SV
Hướng dẫn & khuyến khích SV cách tự học & khám phá	4,50	4,12
Kiểm tra mức độ hiểu bài của SV để phản hồi & điều chỉnh	4,00	4,15
Duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong kiểm tra thi cử	4,50	4,49
Tạo động cơ học tập tốt cho SV	4,50	4,40
Tìm hiểu KK & nguyện vọng của SV & quan tâm giúp đỡ SV	4,00	4,20

<i>Đối xử công bằng với mọi SV</i>	4,50	4,50
<i>Tôn trọng SV</i>	4,50	4,73
<i>Biết lắng nghe ý kiến của SV</i>	4,50	4,65
Thường xuyên khuyến khích, khen ngợi SV	4,50	4,56
<i>Có mối QH tốt với đồng nghiệp</i>	4,50	4,60

Biểu đồ 3.9. Đánh giá giảng viên về nhân tố Ứng xử trong quan hệ xã hội



Có thể thấy rằng Bảng 3.12 và Biểu đồ 3.9 minh họa tiêu chuẩn mà cả giảng viên và sinh viên đánh giá cao nhất là *Tôn trọng sinh viên* với trị trung bình của giảng viên là M: 4,50 và sinh viên là M: 4,73. Tương tự, họ cũng đánh giá cao các tiêu chuẩn lần lượt với trị trung bình của giảng viên và sinh viên như sau: *Đối xử công bằng với mọi sinh viên* (M: 4,50 và 4,50), *Biết lắng nghe những ý kiến của sinh viên* (M: 4,64 và 4,65), và *Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp* (M: 4,50 và 4,60). Trái lại, *Tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của sinh viên* và *quan tâm giúp đỡ sinh viên trong học tập* là tiêu chuẩn mà giảng viên đánh giá thấp nhất của nhân tố Ứng xử trong quan hệ

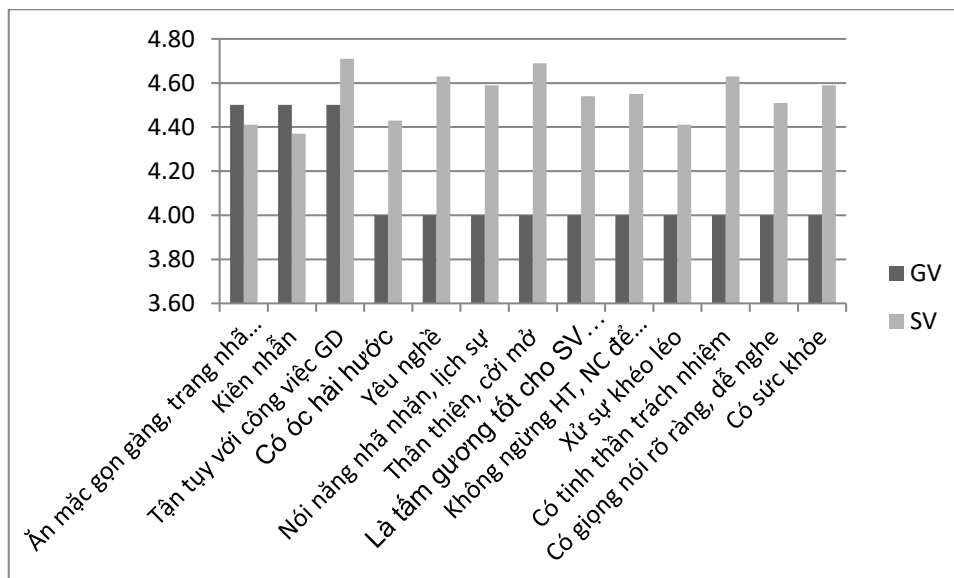
xã hội với trị trung bình của giảng viên M: 4,00 nhưng sinh viên có M: 4,20. Cũng như tiêu chuẩn *Hướng dẫn và khuyến khích sinh viên cách tự học và khám phá* được sinh viên đánh giá thấp nhất bằng của sinh viên (M: 4,12) nhưng cao hơn của giảng viên (M: 4,50). Tương tự, *Kiểm tra mức độ hiểu bài của sinh viên để phản hồi và điều chỉnh thích hợp* là tiêu chuẩn sinh viên đánh giá thấp thứ hai (M: 4,15) nhưng giảng viên đánh giá cao hơn (M: 4,00). Trong phần này hai giảng viên tự đánh giá mình tương đối cao vì đa số các yếu tố có trị trung bình M: 4,50 nhưng ý kiến sinh viên vẫn là quan trọng hơn.

3.2.3.2.4. Nhân tố Phẩm chất cá nhân

Bảng 3.13. Đánh giá giảng viên về nhân tố Phẩm chất cá nhân

Phẩm chất cá nhân	Mean-GV	Mean-SV
<i>Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự</i>	4,50	4,41
Kiên nhẫn	4,50	4,37
Tận tụy với công việc GD	4,50	4,71
Có óc hài hước	4,50	4,43
<i>Yêu nghề</i>	4,00	4,63
Nói năng nhã nhặn, lịch sự	4,00	4,59
Thân thiện, cởi mở	4,00	4,69
Là tấm gương tốt cho SV noi theo	4,00	4,54
Không ngừng HT, NC để nâng cao KT, phát triển CM NN	4,00	4,55
Xử sự khéo léo	4,00	4,41
<i>Có tinh thần trách nhiệm</i>	4,00	4,63
Có giọng nói rõ ràng, dễ nghe	4,00	4,51
Có sức khỏe	4,00	4,59

Biểu đồ 3.10. Đánh giá giảng viên về nhân tố Phẩm chất cá nhân



Bảng 3.13 và Biểu đồ 3.10 biểu thị rằng tiêu chuẩn mà cả hai nhóm giảng viên và sinh viên lần lượt có trị trung bình cao là: *Ăn mặc gọn gàng, trang nhã, lịch sự* (M: 4,50 và 4,41). *Có tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy* thì sinh viên cũng đánh giá cao (M: 4,63) còn giảng viên tự đánh giá (M: 4,00). Tương tự *Yêu nghề* (M: 4,00 và 4,63). Thế nhưng *Có óc hài hước* là tiêu chuẩn mà giảng viên tự cho mình ở mức độ tương đối thấp trong nhân tố Phẩm chất cá nhân M: 4,00 trong khi sinh viên lại cho ở mức cao hơn nhưng cũng tương đối thấp so với cột trung bình của sinh viên M: 4,43.

Tóm lại, ta có thể rút ra những tiêu chuẩn có giá trị trung bình cao và những tiêu chuẩn có giá trị trung bình thấp trong hai bảng sau (Bảng 3.14 và 3.15).

Bảng 3.14. Những tiêu chuẩn có trị trung bình cao

STT	Tiêu chuẩn	Mean-GV	Mean-SV
1	Tôn trọng SV	4,50	4,73
2	Đối xử công bằng với mọi SV	4,50	4,50

3	Biết lắng nghe ý kiến của SV	4,50	4,65
4	Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác	4,00	4,65
5	Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự	4,50	4,41
6	Có tinh thần trách nhiệm	4,00	4,63
7	Chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp	4,50	4,57
8	Chuẩn bị bài giảng chu đáo	4,00	4,57
9	Yêu nghề	4,00	4,63
10	Khả năng giao tiếp bằng TA	4,00	4,58
11	KN đọc TA	4,50	4,57

Bảng 3.15. Những tiêu chuẩn có trị trung bình thấp

STT	Tiêu chuẩn	Mean-GV	Mean-SV
1	Tạo nhiều cơ hội cho SV nói tiếng Anh ngoài lớp	3,50	3,79
2	Kiến thức về lĩnh vực CM SV không chuyên Anh	3,50	4,24
3	Có óc hài hước	4,00	4,43
4	Sử dụng phần lớn TA để giảng bài & chỉ sử dụng tiếng Việt khi cần trong lớp TA không chuyên	4,00	4,15
5	Hướng dẫn SV tham khảo tài liệu bổ sung	4,00	4,29
6	Tìm hiểu khó khăn & nguyện vọng của SV & quan tâm giúp đỡ SV trong học tập	4,00	4,20
7	Sửa bài tập về nhà & trả bài làm cho SV	4,50	4,27
8	Nghe tiếng Anh	4,00	4,43
9	Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn SV chuyên Anh	3,50	4,56

10	Hướng SV theo cách tự học và tự nghiên cứu	3,96	4,20
11	Giúp SV phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh	3,96	4,27
12	Hướng dẫn & khuyến khích SV cách tự học và khám phá	4,00	4,12
13	Kiểm tra mức độ hiểu bài của SV để phản hồi & điều chỉnh	4,24	4,15

Nhìn chung, mức trung bình của các phẩm chất được sinh viên đánh giá cao hơn giảng viên nên các phẩm chất được đánh giá cao được. Những phẩm đối chiếu để chọn đối với sinh viên là trên mức 4,50 và giảng viên là từ 4,00 trở lên. Đồng thời, các phẩm chất được chọn là đánh giá thấp được đối chiếu giữa sinh viên và giảng viên. Đối với sinh viên mức trung bình dưới 4,50 và đối với giảng viên mức trung bình dưới 4,00 được coi là thấp. Tuy nhiên, việc *Sửa bài tập ở nhà và trả bài làm cho sinh viên* được giảng viên cho là cao (M: 4,50) nhưng sinh viên cho là mức thấp (M: 4,27). Sự chênh lệch đó là do yếu tố chủ quan của giảng viên nhưng ý kiến của giảng viên là khách quan hơn nên tiêu chuẩn này được xem là được đánh giá thấp. Trái lại, tiêu chuẩn Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn sinh viên chuyên Anh được sinh viên đánh giá trên 4,50 một chút (M: 4,56) nhưng giảng viên tự đánh giá quá thấp (M: 3,50) nên tiêu chuẩn này vẫn được xem là được đánh giá thấp.

3.3. Tổ chức hội thảo

Sau khi đề tài nghiên cứu đã có kết quả, hội thảo được tổ chức để mời các chuyên gia đến tham dự để nghe báo cáo kết quả và có ý kiến đóng góp nhằm giúp hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên giảng dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học.

Đến với hội thảo có 12 giảng viên của Bộ môn Ngoại Ngữ, 2 giảng viên thỉnh giảng, và 1 cán bộ từ Phòng Khoa học Công nghệ và Đào tạo Sau đại học. Tất cả các

giảng viên này đã từng tham gia trả lời bảng câu hỏi về mức độ quan trọng của các phẩm chất của giảng viên giảng dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao Đẳng và Đại học cũng như đã từng trả lời Bảng tự đánh giá của giảng viên. Vì thế, các giảng viên này biết rõ bộ tiêu chuẩn cũng như thang đánh giá nên họ dễ dàng có ý kiến đóng góp.

Sau khi chủ nhiệm đề tài báo cáo tóm tắt đề tài và những kết quả đạt được. Các ý kiến được ghi nhận từ hội thảo như sau:

Trong phần đề xuất các phẩm chất cần trau dồi, Mục số 2. *Kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên không chuyên Tiếng Anh* là không cần thiết có thể bỏ đi. Nhưng có ý kiến cho rằng dạy Anh vẫn không chuyên có thể thêm những từ vựng chuyên ngành của sinh viên để dạy ngữ pháp để có sự liên kết giữa anh văn không chuyên và chuyên ngành.

Đối với các tiêu chuẩn được bỏ đi, tiêu chuẩn *Sử dụng giáo án, Thực hiện đúng đề cương chi tiết môn học*, và *Bám sát chương trình* cần phân tích lại với hình thức phỏng vấn bổ sung vì nếu nó là mặc nhiên thì có thể thêm từ câu chữ lại (Ví dụ như: Thực hiện linh hoạt....)

Hội thảo đã đóng góp định hướng nghiên cứu là Khảo sát giữa sinh viên chuyên ngành và không chuyên ít nhất là 50 cho mỗi bên xem kết quả có khác nhau hay không. Giới tính và những yếu tố khác (ngoại hình, tính cách) của giảng viên có ảnh hưởng đến đánh giá của sinh viên hay không.

Đối với các phẩm chất cần trau dồi thì Mục số 3: *Có óc hài hước* nghiêng về bẩm sinh khó trau dồi nên bỏ hoặc dùng câu chữ lại. Mục 8: Nghe tiếng Anh và mục 11: Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh có thể giống nhau không nên trình bày lại rõ. Đề xuất mục 8 đổi thành *Luyện kỹ năng nghe Tiếng Anh của Giảng Viên*.

Có ý kiến cho rằng cần trình bày lại đối tượng khảo sát một cách cụ thể, rõ ràng và cần tìm hiểu phân tích nguyên nhân về sự chênh lệch nhiều Giá trị Trung bình giữa giảng viên và sinh viên hoặc giữa giới tính, năm học của sinh viên.

Cuối cùng, điều quan trọng là cả hội thảo nhất trí là cần trình bày thang đo cụ thể cho cả bộ tiêu chuẩn là *Không Tốt, Chưa Tốt, Tốt, Rất Tốt, và Cực kì Tốt*.

Tóm lại, các ý kiến đóng góp từ hội thảo rất có ý nghĩa trong việc hoàn chỉnh bộ tiêu chuẩn đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học, đặc biệt là tìm ra được một thang đo thống nhất cho tất cả các tiêu chuẩn. Ngoài ra, ý kiến hội thảo còn giúp trình bày lại các đối tượng tham gia nghiên cứu, phỏng vấn bổ sung, và trình bày rõ ràng hơn các phẩm chất cần phát huy và trau dồi trong phần kiến nghị.

3.4. Hoàn thành bộ tiêu chuẩn

Các kết quả thống kê từ việc giảng viên tự đánh giá và sinh viên đánh giá giảng viên cũng như các ý kiến đóng góp từ các chuyên gia trong hội thảo được phân tích và xem xét để làm cho bộ tiêu chuẩn đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học được hoàn thiện hơn.

Hai tiêu chuẩn *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên không chuyên Anh* và *Có óc hài hước* là hai tiêu chuẩn cần xem xét lại. Tiêu chuẩn *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên* được tách ra thành 2 tiêu chuẩn *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên chuyên Anh* và *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên không chuyên Anh* để phân biệt rõ ràng và dễ đánh giá. Vì mức độ quan trọng của tiêu chuẩn *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên* không cao (trị trung bình của giảng viên M: 3,00 và sinh viên M: 3,20) và theo ý kiến của hội thảo là tiêu chuẩn này quá rộng và không cần thiết nên bỏ đi tiêu chuẩn *Có kiến thức về lĩnh vực chuyên môn của sinh viên* và thay bằng tiêu chuẩn *Khả năng nghiên cứu khoa học Tương tự*, tiêu chuẩn *Có óc hài hước* có mức độ quan trọng được giảng viên và sinh

viên đánh giá cũng không cao (M: 3,21 và 3, 26) nên cũng theo ý kiến hội thảo là bỏ đi tiêu chuẩn này (Xem Phụ lục I).

Như vậy, bộ tiêu chuẩn mới nhất gồm có 60 tiêu chuẩn được đánh giá theo thang đo Likert có 5 mức độ gồm 4 thành phần: Kiến thức chuyên môn (11 tiêu chuẩn), Kỹ năng nghề nghiệp (27 tiêu chuẩn), Ứng xử trong quan hệ xã hội (10 tiêu chuẩn), và Phẩm chất cá nhân (12 tiêu chuẩn). (Xem Bảng 3.16)

Bảng 3.16. Bộ tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học

		Không tốt	Khá tốt	Tốt	Rất tốt	Cực kỳ tốt
	I. Kiến thức chuyên môn					
1	Kỹ năng nghe tiếng Anh					
2	Kỹ năng nói tiếng Anh					
3	Kỹ năng đọc tiếng Anh					
4	Kỹ năng viết tiếng Anh					
5	Phát âm tiếng Anh					
6	Kiến thức ngữ pháp tiếng Anh					
7	Vốn từ vựng tiếng Anh					
8	Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh					
9	Kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh					
10	Kiến thức về tâm lý giáo dục					
11	Khả năng nghiên cứu khoa học					
	II. Kỹ năng nghề nghiệp					
12	Chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp					
13	Chuẩn bị bài giảng chu đáo					
14	Hướng sinh viên theo cách tự học và tự nghiên cứu					
15	Sử dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy linh hoạt, sáng tạo					
16	Sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy và học (TV, cassette,					

	máy chiếu, máy vi tính,...)					
17	Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu					
18	Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác					
19	Cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng sinh viên					
20	Cung cấp kiến thức thực tiễn hoặc liên hệ bài giảng với thực tế					
21	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh					
22	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói tiếng Anh					
23	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh					
24	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết tiếng Anh					
25	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh trong lớp					
26	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh ngoài lớp					
27	Tạo bầu không khí sôi động cho sinh viên học tập như tổ chức nhiều trò chơi hay hoạt động trong lớp để sinh viên thực hành ngôn ngữ					
28	Tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm có hiệu quả					
29	Giúp sinh viên có tinh thần trách nhiệm trong học tập					
30	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh chuyên					
31	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh không chuyên					
32	Cho sinh viên bài tập về nhà và có hướng dẫn cụ thể cách làm để áp dụng kiến thức vừa học					
33	Sửa bài tập về nhà và trả bài làm cho sinh viên					
34	Giúp sinh viên sửa lỗi có hiệu quả					
35	Biết cách giúp sinh viên tham khảo tài liệu bổ sung.					
36	Ra đề kiểm tra phải dựa trên kết quả học tập dự kiến					
37	Đánh giá chính xác, khách quan năng lực sinh viên					
38	Đánh giá sinh viên bằng nhiều cách khác nhau					
	III. Ứng xử trong quan hệ xã hội					
39	Hướng dẫn và khuyến khích sinh viên cách tự học và khám phá					
40	Kiểm tra mức độ hiểu bài của sinh viên để có phản hồi và điều					

	chính thích hợp					
41	Duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong kiểm tra, thi cử					
42	Tạo động cơ học tập tốt cho sinh viên					
43	Tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của sinh viên và quan tâm giúp đỡ sinh viên trong học tập					
44	Đối xử công bằng với mọi sinh viên					
45	Tôn trọng sinh viên					
46	Biết lắng nghe ý kiến của sinh viên					
47	Khuyến khích, khen ngợi sinh viên đúng lúc.					
48	Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp					
IV. Phẩm chất cá nhân						
49	Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự					
50	Kiên nhẫn					
51	Tận tụy với công việc giảng dạy					
52	Yêu nghề					
53	Nói năng nhã nhặn, lịch sự					
54	Thân thiện, cởi mở					
55	Là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo					
56	Không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, phát triển chuyên môn nghề nghiệp					
57	Xử sự khéo léo với sinh viên					
58	Có tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy					
59	Có giọng nói rõ ràng, dễ nghe					
60	Có sức khỏe					

Điểm tổng:

Xếp loại:

Thang điểm: 1,0: Không tốt
1,1 – 2,0: Khá tốt
2,1 – 3,0: Tốt
3,1 – 4,0: Rất tốt
4,1 – 5,0: Cực kỳ tốt

Bộ tiêu chuẩn này có thể dùng cho giảng viên dạy tiếng Anh bậc Cao đẳng và Đại học tự đánh giá như Phiếu Tự Đánh Giá Của Giảng Viên (Xem Bảng 3.17) và sinh viên Cao Đẳng và Đại học đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh của họ: Phiếu Khảo Sát Giảng Viên Dạy Tiếng Anh (Dành cho sinh viên – Thực nghiệm) (Xem bảng 3.18).

Bảng 3.17. Phiếu tự đánh giá của giảng viên tiếng Anh

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN TIẾNG ANH

Tên giảng viên:.....

Học kỳ: Năm học:.....

Thầy (Cô) có những yếu tố sau đây ở mức độ nào?

(Mỗi yếu tố chỉ đánh dấu (✓) vào một ô duy nhất)

		Không tốt	Khá tốt	Tốt	Rất tốt	Cực kỳ tốt
	I. Kiến thức chuyên môn					
1	Kỹ năng nghe tiếng Anh					
2	Kỹ năng nói tiếng Anh					
3	Kỹ năng đọc tiếng Anh					
4	Kỹ năng viết tiếng Anh					
5	Phát âm tiếng Anh					
6	Kiến thức ngữ pháp tiếng Anh					
7	Vốn từ vựng tiếng Anh					
8	Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh					
9	Kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh					
10	Kiến thức về tâm lý giáo dục					
11	Khả năng nghiên cứu khoa học					
	II. Kỹ năng nghề nghiệp					
12	Chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp					
13	Chuẩn bị bài giảng chu đáo					

14	Hướng sinh viên theo cách tự học và tự nghiên cứu					
15	Sử dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy linh hoạt, sáng tạo					
16	Sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy và học (TV, cassette, máy chiếu, máy vi tính,...)					
17	Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu					
18	Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác					
19	Cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng sinh viên					
20	Cung cấp kiến thức thực tiễn hoặc liên hệ bài giảng với thực tế					
21	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh					
22	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói tiếng Anh					
23	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh					
24	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết tiếng Anh					
25	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh trong lớp					
26	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh ngoài lớp					
27	Tạo bầu không khí sôi động cho sinh viên học tập như tổ chức nhiều trò chơi hay hoạt động trong lớp để sinh viên thực hành ngôn ngữ					
28	Tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm có hiệu quả					
29	Giúp sinh viên có tinh thần trách nhiệm trong học tập					
30	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh chuyên					
31	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh không chuyên					
32	Cho sinh viên bài tập về nhà và có hướng dẫn cụ thể cách làm để áp dụng kiến thức vừa học					
33	Sửa bài tập về nhà và trả bài làm cho sinh viên					
34	Giúp sinh viên sửa lỗi có hiệu quả					
35	Biết cách giúp sinh viên tham khảo tài liệu bổ sung					
36	Ra đề kiểm tra phải dựa trên kết quả học tập dự kiến					
37	Đánh giá chính xác, khách quan năng lực sinh viên					
38	Đánh giá sinh viên bằng nhiều cách khác nhau					

III. Ứng xử trong quan hệ xã hội					
39	Hướng dẫn và khuyến khích sinh viên cách tự học và khám phá				
40	Kiểm tra mức độ hiểu bài của sinh viên để có phản hồi và điều chỉnh thích hợp				
41	Duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong kiểm tra, thi cử				
42	Tạo động cơ học tập tốt cho sinh viên				
43	Tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của sinh viên và quan tâm giúp đỡ sinh viên trong học tập				
44	Đối xử công bằng với mọi sinh viên				
45	Tôn trọng sinh viên				
46	Biết lắng nghe ý kiến của sinh viên				
47	Khuyến khích, khen ngợi sinh viên đúng lúc.				
48	Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp				
IV. Phẩm chất cá nhân					
49	Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự				
50	Kiên nhẫn				
51	Tận tụy với công việc giảng dạy				
52	Yêu nghề				
53	Nói năng nhã nhặn, lịch sự				
54	Thân thiện, cởi mở				
55	Là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo				
56	Không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, phát triển chuyên môn nghề nghiệp				
57	Xử sự khéo léo với sinh viên				
58	Có tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy				
59	Có giọng nói rõ ràng, dễ nghe				
60	Có sức khỏe				

Điểm tổng:

Xếp loại:

Thang điểm:

1,0:	Không tốt
1,1 – 2,0:	Khá tốt
2,1 – 3,0:	Tốt
3,1 – 4,0:	Rất tốt
4,1 – 5,0:	Cực kỳ tốt

Bảng 3.18. Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên)**PHIẾU KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN DẠY TIẾNG ANH**

(Dành cho sinh viên)

Tên giảng viên:

Lớp: Môn:

Học kỳ: Năm học:.....

*Thầy (Cô) có những yếu tố sau đây ở mức độ nào?**(Mỗi yếu tố chỉ đánh dấu (✓) vào một ô duy nhất)*

		Không tốt	Khá tốt	Tốt	Rất tốt	Cực kỳ tốt
	I. Kiến thức chuyên môn					
1	Kỹ năng nghe tiếng Anh					
2	Kỹ năng nói tiếng Anh					
3	Kỹ năng đọc tiếng Anh					
4	Kỹ năng viết tiếng Anh					
5	Phát âm tiếng Anh					
6	Kiến thức ngữ pháp tiếng Anh					
7	Vốn từ vựng tiếng Anh					
8	Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh					
9	Kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh					
10	Kiến thức về tâm lý giáo dục					
11	Khả năng nghiên cứu khoa học					
	II. Kỹ năng nghề nghiệp					

12	Chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp				
13	Chuẩn bị bài giảng chu đáo				
14	Hướng sinh viên theo cách tự học và tự nghiên cứu				
15	Sử dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy linh hoạt, sáng tạo				
16	Sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ dạy và học (TV, cassette, máy chiếu, máy vi tính,...)				
17	Có cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu				
18	Trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác				
19	Cung cấp kiến thức phù hợp với đối tượng sinh viên				
20	Cung cấp kiến thức thực tiễn hoặc liên hệ bài giảng với thực tế				
21	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh				
22	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói tiếng Anh				
23	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh				
24	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết tiếng Anh				
25	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh trong lớp				
26	Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên nói tiếng Anh ngoài lớp				
27	Tạo bầu không khí sôi động cho sinh viên học tập như tổ chức nhiều trò chơi hay hoạt động trong lớp để sinh viên thực hành ngôn ngữ				
28	Tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm có hiệu quả				
29	Giúp sinh viên có tinh thần trách nhiệm trong học tập				
30	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh chuyên				
31	Sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích khi cần thiết trong lớp tiếng Anh không chuyên				
32	Cho sinh viên bài tập về nhà và có hướng dẫn cụ thể cách làm để áp dụng kiến thức vừa học				
33	Sửa bài tập về nhà và trả bài làm cho sinh viên				
34	Giúp sinh viên sửa lỗi có hiệu quả				
35	Biết cách giúp sinh viên tham khảo tài liệu bổ sung.				
36	Ra đề kiểm tra phải dựa trên kết quả học tập dự kiến				

37	Đánh giá chính xác, khách quan năng lực sinh viên					
38	Đánh giá sinh viên bằng nhiều cách khác nhau					
III. Ứng xử trong quan hệ xã hội						
39	Hướng dẫn và khuyến khích sinh viên cách tự học và khám phá					
40	Kiểm tra mức độ hiểu bài của sinh viên để có phản hồi và điều chỉnh thích hợp					
41	Duy trì tính kỷ luật trong giờ dạy, trong kiểm tra, thi cử					
42	Tạo động cơ học tập tốt cho sinh viên					
43	Tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của sinh viên và quan tâm giúp đỡ sinh viên trong học tập					
44	Đối xử công bằng với mọi sinh viên					
45	Tôn trọng sinh viên					
46	Biết lắng nghe ý kiến của sinh viên					
47	Khuyến khích, khen ngợi sinh viên đúng lúc.					
48	Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp					
IV. Phẩm chất cá nhân						
49	Ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự					
50	Kiên nhẫn					
51	Tận tụy với công việc giảng dạy					
52	Yêu nghề					
53	Nói năng nhã nhặn, lịch sự					
54	Thân thiện, cởi mở					
55	Là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo					
56	Không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, phát triển chuyên môn nghề nghiệp					
57	Xử sự khéo léo với sinh viên					
58	Có tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy					
59	Có giọng nói rõ ràng, dễ nghe					
60	Có sức khỏe					

❖ **Tiểu kết chương 3:**

Sau khi thực hiện kiểm chứng số liệu thu thập được, một bộ tiêu chuẩn gồm 62 tiêu chuẩn thuộc 4 thành phần: 12 tiêu chuẩn thuộc Kiến thức chuyên môn, 27 tiêu chuẩn thuộc Kỹ năng nghề nghiệp, 10 tiêu chuẩn thuộc Ứng xử trong quan hệ xã hội, và 13 tiêu chuẩn thuộc Phẩm chất cá nhân. Bộ tiêu chuẩn này dùng để giảng viên Cao đẳng và Đại học tự đánh giá và sinh viên đánh giá giảng viên tiếng Anh (Xem Phụ lục G và H).

Kết quả thực nghiệm bộ tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học cho thấy rằng bộ tiêu chuẩn có độ tin cậy đồng thời qua đánh giá rút ra được 11 phẩm chất tốt đẹp của giảng viên dạy tiếng Anh thuộc Bộ môn Ngoại Ngữ và giảng viên thỉnh giảng của Bộ môn cũng như 13 phẩm chất mà các giảng viên này cần phải trau dồi thêm để giúp cho việc dạy và học có hiệu quả hơn.

Bộ tiêu chuẩn đánh giá giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học đã được hoàn chỉnh (Xem Bảng 3.16) gồm hai phần dành cho hai đối tượng. Đó là đối tượng giảng viên: giảng viên sử dụng bộ tiêu chuẩn để tự đánh giá mình dùng Phiếu tự đánh giá của giảng viên (Bảng 3.17) và đối tượng sinh viên: sinh viên sử dụng Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh (Dành cho sinh viên) để đánh giá giảng viên trực tiếp giảng dạy mình (Bảng 3.18).

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu khoa học “**Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học**” được thực hiện trên cơ sở lý luận và thực tế tình hình giảng dạy tiếng Anh của giảng viên và học tập tiếng Anh của sinh viên chuyên và không chuyên Anh ngữ tại Trường Đại học Trà Vinh. Kết quả khảo sát cho thấy cả giảng viên và sinh viên đều đánh giá cao về tầm quan trọng của Kiến thức, Kỹ năng nghề nghiệp, Ứng xử trong quan hệ xã hội, và Phẩm chất cá nhân đối với giảng viên dạy tiếng Anh giỏi ở bậc Cao đẳng và Đại học. Tuy nhiên, giảng viên đánh giá mức độ quan trọng về Kiến thức chuyên môn và Kỹ năng nghề nghiệp cao hơn sinh viên. Đề tài nghiên cứu đã xây dựng được Bộ tiêu chuẩn dựa trên thang đo Likert với 5 mức độ: **1. Không tốt; 2. Chưa tốt; 3. Tốt; 4. Rất tốt; 5. Cực kỳ tốt** để đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học về 4 lĩnh vực: Kiến thức chuyên môn (11 tiêu chuẩn), Kỹ năng nghề nghiệp (27 tiêu chuẩn), Ứng xử trong quan hệ xã hội (10 tiêu chuẩn), và Phẩm chất cá nhân (12 tiêu chuẩn) (Xem Phụ lục J). Bên cạnh đó đề tài cũng đã thu thập một bộ bảng số liệu, biểu đồ và phân tích các ý kiến của giảng viên và sinh viên từ *Bảng câu hỏi cho giảng viên*, *Bảng câu hỏi cho sinh viên*, *Phiếu phỏng vấn giảng viên* và *Phiếu phỏng vấn sinh viên* về mức độ quan trọng của các tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh ở bậc Cao đẳng và Đại học cho đến *Bảng tự đánh giá của giảng viên* và *Phiếu khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh* (Dành cho sinh viên – Thực nghiệm). Ngoài ra, đề tài cũng đã tìm ra các phẩm chất tốt mà giảng viên Ngoại Ngữ đã có để phát huy và những thiếu sót cần tu dưỡng, trau dồi thêm và có giải pháp thích hợp để trở thành giảng viên dạy tiếng Anh giỏi thật sự và để cải tiến chất lượng dạy và học nhằm nâng cao uy tín của Trường Đại học Trà Vinh.

Kiến nghị

Đối với Ban Giám Hiệu,

Ban Giám Hiệu nên chủ trương cho Phòng Đảm Bảo Chất Lượng sử dụng *Phiếu Khảo Sát Giảng Viên Dạy Tiếng Anh (Dành cho sinh viên)* để khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh sau khi kết thúc môn học và Phòng Thanh Tra-Pháp Chế dựa vào kết quả để xét thi đua khen thưởng cuối năm học. Đồng thời kiến nghị Khoa Ngoại Ngữ và Bộ môn Tiếng Anh yêu cầu giảng viên của Bộ môn dùng *Phiếu Tự Đánh Giá Của Giảng Viên Tiếng Anh* tự đánh giá mình để tự điều chỉnh.

Đối với Phòng Đảm Bảo Chất Lượng

Đề nghị Phòng Đảm Bảo Chất Lượng sử dụng *Phiếu Khảo Sát Giảng Viên Dạy Tiếng Anh (Dành cho sinh viên)* để khảo sát giảng viên dạy tiếng Anh sau khi kết thúc môn học.

Đối với Phòng Thanh Tra – Pháp Chế

Kiến nghị Phòng Thanh Tra – Pháp Chế sử dụng kết quả đánh giá giảng viên của Phòng Đảm Bảo Chất Lượng làm tiêu chí để xét thi đua khen thưởng.

Đối với Khoa Ngoại ngữ và Bộ môn Tiếng Anh

Khoa Ngoại ngữ và Bộ môn Tiếng Anh nên sử dụng bộ tiêu chí để cho giảng viên dạy tiếng Anh tự đánh giá để tự điều chỉnh mình.

Đồng thời nên phát huy những phẩm chất của giảng viên dạy tiếng Anh Bộ môn Ngoại Ngữ cũng như những ưu điểm như trẻ, khỏe, năng động, nhiệt tình và sáng tạo để có đường lối lãnh đạo, chính sách quản lý thích hợp, tạo điều kiện cho giảng viên phát huy hết năng lực và phẩm chất của mình trong giảng dạy. Tạo điều kiện cho giảng viên thường xuyên giao tiếp với người bản xứ để hiểu được văn hóa của họ và “hiểu được họ về ứng xử để tạo mối quan hệ tốt và giao tiếp tốt trong giảng dạy với họ vì người chưa từng và chưa hiểu sẽ giao tiếp ứng xử đôi khi làm mất lòng họ” (Phụ lục E).

Đối với giảng viên dạy tiếng Anh:

Giảng viên dạy tiếng Anh sử dụng bộ tiêu chuẩn để tự đánh giá mình và phát ra bộ tiêu chuẩn để cho sinh viên đánh giá mình vào cuối môn học để tự điều chỉnh mình tốt hơn.

Giảng viên dạy tiếng Anh cũng nên phát huy những phẩm chất tốt đẹp và sẵn có của mình là luôn yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng sinh viên, đối xử công bằng với mọi sinh viên, và biết lắng nghe ý kiến của sinh viên. Giảng viên dạy tiếng Anh chuẩn bị và cập nhật tài liệu giảng dạy thích hợp và chuẩn bị bài giảng chu đáo. Khi lên lớp thì ăn mặc gọn gàng, trang nhã lịch sự, trình bày nội dung bài học rõ ràng chính xác. Đồng thời giảng viên cũng nên phát huy hết khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và kỹ năng đọc tiếng Anh của mình để nâng cao chuyên môn và giảng dạy có hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, giảng viên dạy tiếng Anh cũng cần tạo hình tượng tốt cho sinh viên và có tâm huyết và đạo đức nghề nghiệp song song với việc rèn luyện tác phong, đạo đức cho sinh viên. Điều quan trọng nữa là giảng viên cần trau dồi thêm kỹ năng nghe tiếng Anh và kiến thức về lĩnh vực chuyên môn sinh viên chuyên Anh cho mình. Khi lên lớp giảng viên nên sử dụng phần lớn tiếng Anh để giảng bài và chỉ sử dụng tiếng Việt khi cần trong lớp tiếng Anh không chuyên và kiểm tra mức độ hiểu bài của sinh viên để phản hồi và tự điều chỉnh. Hơn nữa, giảng viên cần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh nhiều hơn nữa, hướng dẫn sinh viên tham khảo tài liệu bổ sung cùng với việc hướng dẫn và khuyến khích sinh viên cách tự học và tự nghiên cứu vì đối tượng học là sinh viên Cao đẳng và Đại học. Và lại, để có phản hồi tích cực từ giảng viên, giảng viên nên sửa bài tập về nhà và trả bài làm cho sinh viên. Cuối cùng, nên chú trọng việc tìm hiểu khó khăn và nguyện vọng của sinh viên cũng như quan tâm giúp đỡ sinh viên nhiều hơn trong học tập.

Hướng phát triển của đề tài

Hướng phát triển của đề là khảo sát giữa sinh viên chuyên ngành và không chuyên ít nhất là 50 cho mỗi bên xem kết quả có khác nhau hay không vì họ có thể có những mong đợi khác nhau và những khái niệm khác nhau về giảng viên dạy tiếng Anh giỏi. Hơn nữa, nên khảo sát xem giới tính và những yếu tố khác (ngoại hình, tính cách) của giảng viên có ảnh hưởng đến đánh giá của sinh viên hay không.

Tìm hiểu phân tích nguyên nhân về sự chênh lệch về ý kiến giữa giảng viên và sinh viên hoặc giữa giới tính, dân tộc, số năm dạy hay học của giảng viên và sinh viên cũng là một trong những hướng phát triển của đề tài.

Ngoài ra, có thể phát triển việc xây dựng tiêu chuẩn để giảng viên đánh giá giảng viên hay lãnh đạo đánh giá giảng viên để xếp loại và xét thi đua khen thưởng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Abidin, M.(2013). Student Voice on the Instructional Qualities of the Effective English Language Teacher: *A Collective Case Study. International Journal of Applied Linguistics & English Literature*, 2 (1) 168-179. Retrieved February 6, 2013 from <http://www.ijalel.org/pdf/217.pdf>
- [2] Arnon, S. & Reichel N. (2007). Who is the ideal teacher? Am I? Similarity and difference in perception of students of education regarding the qualities of a good teacher and of their own qualities as teachers. *Teachers and Teaching: Theory and Practice*, 13 (5) 441-464. Retrieved September 10, 2013 from http://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/13540600701561653#.Uirqd3_jnMw
- [3] Bailey K. M. (2006). *Language Teacher Supervision: A Case-Based Approach*. Cambridge. CUP
- [4] Brosh, H. (2008). Perceived Characteristics of the Effective Language Teacher. *Foreign Language Annals*, 29 (2) 125-136. Retrieved September 10, 2013 from <http://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1111/j.1944-9720.1996.tb02322.x/abstract>
- [5] Cameron, L. (2001). *Teaching Languages to Young Learners*. Cambridge: CUP
- [6] Cordia, N. Y. (2003). *What Makes a 'Good Language Teacher'?*. The University of Hong Kong. Retrieved June 5, 2013 from <http://hub.hku.hk/bitstream/10722/30637/15/FullText.pdf?accept=1>
- [7] Crookes, G. (2009). *Values, Philosophies, and Beliefs in TESOL: Making a Statement*. Cambridge.CUP
- [8] Guskey, T. R. & Easto J. Q. (2006). *Characteristics of Very Effective Teachers in Urban Community Colleges*. Retrieved October 15, 2012 from http://www.eric.ed.gov/ERICWebPortal/search/detailmini.jsp?_nfpb=true&_&E

RICEExtSearch_SearchValue_0=ED213476&ERICExtSearch_SearchType_0=no
&accno=ED213476

- [9] Hammadou, J. & Bernhar, E. (1987). On Being and Becoming a Foreign Language Teacher. *Theory into Practice*, 26(4), 301-306.
- [10] Harmer, J. (2007). *How to Teach English*. Harlow. Pearson Education Limited
- [11] Harmer, J. (2012). *Essential Teacher Knowledge: Core Concept in Language Teaching*. Harlow: Pearson Education Limited
- [12] Hoang, T. & Chu, N. M. N. (2005). *Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS*. Nhà Xuất Bản Thống Kê
- [13] Ingvarson, L. & Rowe, K. (2008). Conceptualising and Evaluating Teacher Quality: Substantive and Methodological Issues. *Australian Journal of Education*, 52 (1), 5-35. Retrieved November 12, 2013, from <http://aed.sagepub.com/content/52/1/5.full.pdf+html>
- [14] Kadha, H. M. (2009). What Makes a Good English Language Teacher? “Teachers’ Perceptions and Students Conceptions”. *Humanity & Social Sciences Journal* 4 (1), 1-11
- [15] Korthagen, F. A. J. (2004). In Search of the Essence of a Good Teacher: Towards a More Holistic Approach in Teacher Education. *Teaching and Teacher Education* 20 77-97. Retrieved September 7, 2013 from <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0742051X03001185>
- [16] Looney, J. (2011). Developing High-Quality Teachers: Teacher Evaluation for Improvement. *European Journal of Education*, 46 (4) 442-443. Retrieved November 5, 2013, from <http://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1111/j.1465-3435.2011.01492.x/full>

- [17] Miller, P. (1987). Ten characteristics of a Good Teacher. *English Teaching Forum*, 25 (1), 36-38. Retrieved September 8, 2013, from http://americanenglish.state.gov/files/ae/resource_files/50_1_11_pp36-38_reflections_ten.pdf
- [18] Miron, M. & Segal, E. (1978). "The Good University Teacher" as Perceived by the Students. *Higher Education*, 7 (1) 27-34. Retrieved September 10, 2013 from <http://link.springer.com/article/10.1007/BF00129788>
- [19] Pettis, J. (2002). Developing Our Professional Competence: Some Reflections. In J.C. Richard & W. A. Renandya (Ed.), *Methodology in Language Teaching: An Anthology of Current Practice* (pp. 393-396). Cambridge: CUP
- [20] Pool, J., Reitsma, G. & Mentz, E. (2011). An Evaluation of Technology Teacher Training in South Africa: Shortings and Recommendations. *Int J Technol Des Educ* (2013) 23 445-472. DOI 10.1007/s10798-01109198-9. Retrieved October 10, 2013
- [21] Richard, J. C. (1996). *Classroom-Based Evaluation in Second Language Education*. Cambridge: CUP
- [22] Senior, R. M. (2006). *The Experience of Language Teaching*. Cambridge: CUP
- [23] Shisavan, H. B. & Sadeghi, K. (2009). Characteristics of an Effective Language Teachers a Perceived by Iranian Teachers and Learners of English. *English Language Teaching*, 2(4), 130-143.
- [24] Stronge, J. H. (2007). *Qualities of Effective Teachers* (2nd ed.). ASCD. Retrieved October 18, 2013 from http://books.google.com.vn/books?id=0-qi4i1las8C&printsec=frontcover&dq=qualities+of+effective+teachers&hl=en&sa=X&ei=m1MQU7ydGIWfkAWYloCQBw&redir_esc=y#v=onepage&q=qualities%20of%20effective%20teachers&f=false

- [25] Ur, P. (2002). The English Teacher as Professional. In J.C. Richard & W. A. Renandya (Ed.), *Methodology in Language Teaching: An Anthology of Current Practice* (pp. 388-392). Cambridge: CUP
- [26] Ur, P. (2012). *A Course in English Language Teaching*. Cambridge: CUP
- [27] Vo, T. (2011). *Investigating Teachers' and Students' Perceptions about the Qualities of a Good English Foreign Language (EFL) Teacher – A Case Study at Some Rural High Schools in An Giang Province*
- [28] Vo, T. (2012). *Vai Trò của Nhân Cách Người Thầy Trong Giáo Dục*. Retrieved November 10, 2012 from <http://chauthanh.tiengiang.edu.vn/?DocID=000001&DetailID=121>
- [29] Wright, D. (2005). *There's No Need to Shout: The Secondary Teacher's Guide to Successful Behavior Management*. Cheltenham: Nelson Thornes Ltd